

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐT & XD
ĐÔNG NAM**

-----00000-----

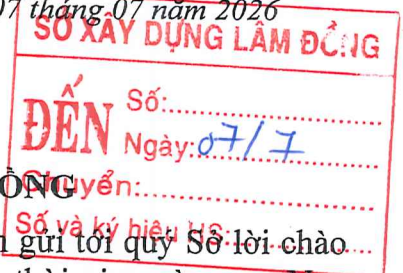
Số: 01/CVKP/2026

(V/v: Báo cáo việc rà soát, bổ sung hồ sơ công bố
công khai thông tin năng lực đủ điều kiện hoạt động
thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo văn bản
số 3977/SXD-QLXD ngày 20 tháng 05 năm 2026
của Sở Xây Dựng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----***-----

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 07 năm 2026



Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam xin gửi tới quý Sở lời chào
trân trọng và xin cảm ơn quý Sở đã rà soát, giúp đỡ chúng tôi trong thời gian vừa qua. Nay
Công ty chúng tôi làm Công văn này để trình bày chi tiết việc khắc phục, bổ sung các hồ sơ
theo văn bản số 3977/SXD-QLXD ngày 20 tháng 05 năm 2026 của Sở Xây Dựng về việc rà
soát, bổ sung hồ sơ công bố thông tin năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên
ngành xây dựng của Công ty chúng tôi như sau:

Ý KIẾN YÊU CẦU BỔ SUNG (Theo văn bản số 3977/SXD-QLXD ngày 20/05/2026 của Sở Xây Dựng)	GIẢI TRÌNH, HỒ SƠ MINH CHỨNG
1. Công ty chưa kê khai đầy đủ thông tin của Trạm thí nghiệm hiện trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9 và khoản 1 điều 10 Nghị định số 14/2026/NĐ- CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ, bao gồm: nhân lực, máy móc, thiết bị, dụng cụ thí nghiệm và các nội dung có liên quan	Công ty đã kê khai đầy đủ thông tin về các Trạm thí nghiệm hiện trường trên trang thông tin điện tử của công ty và gửi về Sở Xây Dựng tại địa chỉ http://tuvandongnam.net

Kính mong Quý Sở kiểm tra hồ sơ cung cấp nêu trên để hỗ trợ cho Công ty chúng tôi
trong việc công bố công khai thông tin năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên
ngành xây dựng trên trang thông tin của Sở Xây Dựng.

Chúng tôi cam kết rằng: Tất cả các hồ sơ và giải trình trên đây của công ty chúng tôi là
hoàn toàn sự thật. Chúng tôi chịu tất cả các trách nhiệm trước pháp luật về các giải trình và hồ
sơ minh chứng được cung cấp nói trên.

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam rất mong nhận được sự hỗ
trợ của Quý Sở Xây Dựng.

Xin trân trọng cảm ơn!

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐT & XD ĐÔNG NAM

Nơi nhận:

- Nhu trên;
- Lưu VP



Lâm Đồng, ngày 06 tháng 04 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

ĐẾN Số:.....
Ngày: 07/7.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam;

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5800351172 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2024, Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Khu phố Đồng Tâm, Phường Lang Biang – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện: Phạm Võ Tổng

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02633 822 886 – 0918 185 805

Email: tvdongnam@gmail.com

Mã số thuế: 5800351172

Website: tuvandongnam.net

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa chất - Vật liệu xây dựng

Địa chỉ: 9D Lê Hồng Phong, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trưởng phòng: Phạm Nguyễn Nhật Trường

Điện thoại: 0386 146 519

Email: truongdl97241@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm địa chất - vật liệu xây dựng mã số LAS-XD 35.006 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1899/GCN-SXD ngày 06 tháng 8 năm 2024 và VALAS 026 do Viện công nhận chất lượng Việt Nam cấp tại chứng chỉ công nhận được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 ngày 18 tháng 11 năm 2022 và LAS-XD 421 do Bộ Xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 909/GCN-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2019 và QĐ (bổ sung) số: 259/GCN-BXD ngày 07 tháng 12 năm 2021)

1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: (Phụ lục kèm theo)

2. Thông tin về năng lực của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm; Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

TT	Tên Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, máy móc
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ XI MĂNG			
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023; ASTM C188, C204; AASHTO T133, T153, T192; BS EN 196-6; JIS R5201	Sàng (kích thước mắt 0,09) Cân kỹ thuật (0,01g), tủ sấy, bình khối lượng riêng, chậu nước, dầu hoả, thùng đóng
2	Xác định độ bền uốn, nén	TCVN 6016:2011; ASTM C109, C348, C349; AASHTO T106; BS EN 196-1; JIS R5201	Máy trộn, khuôn (4x4x16cm), máy dẫn tạo mẫu, máy thử độ bền uốn (10kN±1%), máy thử độ bền nén (tăng tải 2400±200N/s), gá định vị thử uốn, gá thử cường độ nén
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015; TCVN 8875:2012; TCVN 10653:2015; ASTM C191, C187, C807 AASHTO T131, T129; BS EN 196-3; JIS R5201	Dụng cụ Vica, vành khâu, chảo trộn, bay trộn hồ, cân kỹ thuật (0,01g), ống đồng, dao thép, tấm kim loại, đồng hồ bấm giây hoặc đồng hồ cát, cân (1g), máy trộn (ISO 679), thùng lược mẫu, khuôn Lơ Satolie.
4	Xác định Hàm lượng mất nước khi nung	TCVN 141:2008	Ống đồng thủy tinh, Cân kỹ thuật, Đũa thủy tinh, Que khuấy, pipet, Hóa chất, Thuốc thử, Hóa chất lông, Lò nung, Chày, Cối
5	Xác định Hàm lượng SiO ₂ và cặn không tan	TCVN 141:2023	Ống đồng thủy tinh, Cân kỹ thuật, Đũa thủy tinh, Que khuấy, pipet, Hóa chất, Thuốc thử, Hóa chất lông, Tủ sấy, Chày, Cối
6	Xác định Hàm lượng SO ₃	TCVN 141:2023	Ống đồng thủy tinh Cân kỹ thuật Đũa thủy tinh Que khuấy, pipet Hóa chất, Thuốc thử Hóa chất lông, thuốc thử Tủ sấy, Chày, Cối
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
7	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; BS EN 12350-2;	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại
8	Xác định độ cứng VEBE của hỗn hợp bê tông	TCVN 3107:2022	- Thiết bị VEBE, - Bàn rung, - Thanh đầm, - Đồng hồ đo thời gian có khả năng đọc đến 1s.
9	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108:1993; ASTM C138;	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại,

		BS EN 12350-6	- Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, - Tủ sấy 200⁰C
10	Xác định độ tách nước, tách vữa của hỗn hợp bê tông	TCVN 3109:2022; ASTM C232; AASHTO T158; BS EN 12350-4, EN 480-4; JIS A1123	Khuôn thép kích thước 200 x 200 x 200mm; Bàn rung tần số 2900÷3000 vòng/phút, biên độ 0,5 ± 0,01mm; Thanh thép tròn đường kính 16mm, dài 600mm, hai đầu múp tròn; Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 50g; Sàng kích thước mắt 5mm. Thước lá kim loại. Tủ sấy 2000C, Khay sắt.
11	Thí nghiệm phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:2022	- Cân kỹ thuật 50kg, - Bộ sàng cát 5; 1,2mm; 0,15mm - Tủ sấy 200⁰C - Khay sấy, bay, xèng để xúc hỗn hợp bê tông
12	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112:2022	- Bình khối lượng riêng hoặc bình tam giác 100ml có nút thủy tinh ống dẫn mao quản, - Cân phân tích chính xác(0,01g), - Búa con, cối chày đồng, - Bình hút ẩm, - Tủ sấy 200⁰C, - Sàng 2 hoặc 2,5mm, - Nước lọc, dầu hoả, cồn 90⁰.
13	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	- Cân kỹ thuật chính xác (5g). - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200⁰C, - Khăn lau mẫu
14	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022; ASTM C779	Khuôn đúc mẫu, thiết bị gia công mẫu, máy mài mòn, cát mài, thước kẹp tiêu chuẩn
15	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	- Cân kỹ thuật (50g), - Thước lá kim loại, - Cân thủy tĩnh có độ chính xác tới 50g - Bếp điện - Thùng nấu paraffin, tủ sấy 200⁰C
16	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116:2022; TCVN 8219:2009; ASTM C1585-13	Máy xác định độ chống thấm, bộ áo mẫu, paraffin, bàn chải sắt, tủ sấy
17	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; TCVN 10303:2025; TCVN 12252:2020; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140; BS EN 12390-3, 12504-1; JIS A1108, A1107;	- Máy nén 150-200 tấn (6±4 daN/cm²-s, - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải

		AS 1012.9	
18	Xác định cường độ uốn của bê tông	TCVN 3119:2022; AASHTO T97, T177; BS EN 12390-5; JIS A1106, JIS A1114	- Máy nén - Bộ gá uốn mẫu bê tông 2 điểm - Thước lá kim loại
19	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bẻ	TCVN 3120:2022; ASTM C496; AASHTO T198; BS EN 12390-6	- Máy nén 150-200 tấn (6±4 daN/cm ² -s, - Thước lá kim loại - Bộ gá bẻ mẫu bê tông
20	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338:2012; ASTM C403	Dụng cụ thử xuyên khuôn chứa mẫu thử, sàng tiêu chuẩn, que chọc, nhiệt kế, pipet
21	Xác định cường độ lắng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022	Máy nén mẫu bê tông, Bộ gá mẫu ép mẫu, đồng hồ đo biến dạng
22	Xác định độ chảy hỗn hợp bê tông	BS EN 12350-5:2000 ASTM C1611	- Côn chuẩn Đường kính dưới: 200 mm Đường kính trên: 130 mm Chiều cao mũ côn: 200 mm - Bàn chuẩn (Mặt phẳng và tấm đế) Kích thước 800 x 800 (mm) - Chày đầm gỗ: Kích thước đầu chày 40 x 40 (mm)
THỬ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
23	Xác định thành phần hạt, modun	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; AASHTO T27; BS EN 933-1; JIS A1102; BS 812 Part 103.1	- Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 µm; 315 µm; 630 µm và 1,25 mm theo Bảng 1; - Máy lắc sàng; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105°C-110 °C.
24	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85; BS EN 1097-6,7	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; - Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 0,5 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;
25	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85; BS EN 1097-6,7; JIS A1110	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%; - Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110

			°C.
26	Xác định khối lượng thể tích xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29; BS EN 1097-3,4; JIS A1104	- Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20 l, kích thước quy định trong Bảng ; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110⁰C - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.
27	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 7572-7:2006; ASTM C566; AASHTO T255; BS EN 1097-5; JIS A1125	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105⁰C đến 110⁰C; - Dụng cụ đảo mẫu (thìa hoặc dao).
28	Xác định hàm lượng bụi, bùn sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006; ASTM C142,C117; AASHTO T11, T112; BS EN 933-1; JIS A1103, A1137	- Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 0,1 % và cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 oC; - Thùng rửa cốt liệu ; - Đồng hồ bấm giây; - Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng sạch; - Que hoặc kim sắt nhỏ.
29	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; ASTM C40; AASHTO T21; JIS A1105, A1142	- Ống dung tích hình trụ bằng thủy tinh, dung tích 250 ml và 100 ml; - Cân kỹ thuật có độ chính xác 0,1 %; - Bếp cách thủy; - Sàng có kích thước lỗ 20 mm; - Thang màu để so sánh; - Thuốc thử: NaOH dung dịch 3 %; - tananh dung dịch 2 %; rượu êtylic dung dịch 1 %.
30	Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	- máy nén thủy có lực nén đạt 500 kN; - xi lanh bằng thép, có đáy rời - cân kỹ thuật có độ chính xác 1%; - bộ sàng tiêu chuẩn theo - tủ sấy tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 °C đến 110 °C; - thùng ngâm mẫu.
31	Xác định độ nén đập và hệ số hóa mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006; ASTM D2938, C170; JIS M0302	- Máy nén thủy lực; - Máy khoan và máy cưa đá; - Máy mài nước; - Thước kẹp; - Thùng hoặc chậu để ngâm mẫu.

32	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los-Angeles	TCVN 7572-12:2006; ASTM C131, C535; AASHTO T96; JIS A1121	- Máy Los Angeles, - Bi thép, khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %; - Bộ sàng, 1,7 mm; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C
33	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006; ASTM D4791; EN 933-3	- Cân kỹ thuật độ chính xác tới 1%; - Thước kẹp cải tiến; - Bộ sàng tiêu chuẩn theo - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C;
34	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:2006	- Cân phân tích độ chính xác 0,0001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
35	Xác định hàm lượng ion Clo trong cốt liệu	TCVN 7572-15:2006	- Cân phân tích độ chính xác 0,0001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
36	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:2006;	- Cân phân tích độ chính xác 0,001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
37	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa	TCVN 7572-17:2006; ASTM C142; AASHTO T112; JIS A1126	- Cân kỹ thuật độ chính xác 0,01g - Tủ sấy điều chỉnh nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn theo 7572-2:06 - Kim sắt, kim nhôm - Búa con
38	Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006; ASTM D5821	- Cân kỹ thuật - Kính lúp
39	Xác định hàm lượng mica	TCVN 7572-20:2006	- Cân phân tích độ chính xác 0,001g - Tủ sấy điều chỉnh được nhiệt độ - Bộ sàng tiêu chuẩn: 5; 2,5; 1,25; 0,63; 0,315; 0,14 - Giấy nhám khổ 330mmx210mm - Đũa thủy tinh
40	Xác định hệ số đương lượng cát (ES)	ASTM D2419-02; AASHTO T176; BS EN 933-8	- Máy lắc thí nghiệm đương lượng - Bộ ống xiphong, thanh đầm, ống lắc - cân kỹ thuật, - Nước sạch

41	Độ góc cạnh của cốt liệu mịn	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304	- Ống đồng, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, thanh gạt, cân có độ chính xác 0,1g
42	Độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017; AASHTO T326	- Thùng đồng, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, thanh gạt, cân có độ chính xác 0,1g, tủ sấy
43	PP xác định góc dốc tự nhiên của cát	TCVN 8724:2012;	- Thiết bị xác định góc nghỉ của cát - Tủ sấy, ống đồng - Cân điện tử
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
44	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012; ASTM D854; AASHTO T100	- Dầu hỏa, - Bơm chân không (có cả bình hút chân không), - Cân kỹ thuật (0,01g), - Bình tỷ trọng (100cm ³), - Cối chày sứ (đồng), - Rây 2mm, - Bếp cát, - Tủ sấy (t ⁰), - Tỷ trọng kế, - Thiết bị ổn nhiệt, - Cốc nhỏ hộp nhôm có nắp
45	Xác định độ ẩm, độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216, D4959, D4643; AASHTO T265; JIS A1203	- Tủ sấy (t ⁰) đến 300 ⁰ C, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Khay men phơi đất - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cân phân tích (0,001g), - Rây 0,5mm, - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t ⁰).
46	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89, T90; JIS A1205	- Các tấm kính nhám, - Rây (1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Bình thủy tinh có nắp, - Cân kỹ thuật (0,01g), - Cốc thủy tinh (hộp nhôm có nắp), - Tủ sấy (t ⁰), - Bát sứ trắng men, - Dao để trộn - Dụng cụ Casagrande
47	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14135-5:2024; TCVN 14134-3:2024; ASTM D1140, D422, D2487, C136; AASHTO T88, T27, T11; JIS A1204	- Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t ⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001),

			- Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đong (1000cm^3, $\phi 60\pm 2\text{mm}$), - Nhiệt kế ($0,5^\circ\text{C}$), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm^3 và 50cm^3), - Thước thẳng 20cm.
48	Xác định sức chống cắt của đất trên máy cắt phẳng	TCVN 4199:2012; ASTM D3080; AASHTO T236	- Máy cắt một phẳng ứng biến 4 tốc độ - Đồng hồ đo biến dạng, - Vòng đo lực ngang, - Quả cân ($0,1.10^5\text{N/m}^2 \dots 1.10^5\text{N/m}^2$)
49	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012; ASTM D2435, D4546; BS 1377; AASHTO T216; JIS A1217	- Máy nén (hộp nén, bàn máy, bộ phận tăng tải, thiết bị đo biến dạng), - Các dụng cụ khác: Mẫu chuẩn bằng kim loại, - Dao gọt đất, - Dụng cụ ấn mẫu vào dao vòng, - Tủ sấy (t^0), - Cân kỹ thuật ($0,01\text{g}$), - Đồng hồ đo biến dạng (vạch $0,01\text{mm}$). - Quả cân
50	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006; ASTM D1557, D698; AASHTO T180, T99; BS 1377-Part 4; JIS A1210	- Cối đầm nện và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật ($0,01\text{g}$), - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t^0), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gọt đất, - Vò đập đất, - khay (40x60cm), - Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.
51	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012; ASTM D7263, D2937; AASHTO T191	- Dao vòng bằng kim loại - Thước cặp, - Dao cắt có lưỡi thẳng, - Cân kỹ thuật ($0,01$ và $0,1\text{g}$), - Các tấm kính, - Dụng cụ xác định độ ẩm, - Hộp nhôm hoặc cốc thủy tinh có nắp, - Tủ sấy (t^0), - Bình hút ẩm
52	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	22TCN 332:2006; TCVN 12792:2020; ASTM D1883; AASHTO T193; JIS A1211	- Máy nén CBR, - Cối đầm loại to ($D=152,4\text{ mm}$), - Chày đầm tiêu chuẩn, - Chày đầm cải tiến, - Cối CBR, - Tấm đệm, - Tấm đo - Trương nở, - Đồng hồ đo trương nở,

			- Giá đỡ thiên phân kế,
53	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434; AASHTO T215	- Bộ thấm đất cột nước không đổi - Bộ thấm đất cột nước thay đổi - Bảng cấp nước cho bộ thấm - Bình chứa nước
54	Xác định đặt trung tan rã của đất	TCVN 8718:2012	- Thiết bị thí nghiệm độ tan rã - Dao vòng chứa mẫu thí nghiệm trương nở có dạng trụ tròn - Thiết bị, dụng cụ xác định độ ẩm của đất
55	Xác định đặc trưng trương nở của đất	TCVN 8719:2012; ASTM D4546	- Thiết bị thí nghiệm trương nở chuyên dụng, - Dao vòng chứa mẫu thí nghiệm trương nở có dạng trụ tròn - Thiết bị, dụng cụ xác định độ ẩm của đất - Thiết bị, dụng cụ xác định khối lượng thể tích của đất - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01:0,1 và 1g; - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao su; - Sàng có lỗ sàng 2 mm; - Bộ dụng cụ chế bị mẫu thí nghiệm từ mẫu đất không nguyên trạng - Nước cất hoặc nước sạch
56	Xác định đặc trưng co ngót của đất	TCVN 8720:2012	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01:0,1 và 1g; - Bộ dụng cụ làm phân tán đất, gồm chày gỗ, cối sứ và chày đầu bọc cao su; - Sàng có lỗ sàng 2 mm; Thiết bị xác định co ngót của đất, đồng hồ so
57	Xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	TCVN 8724:2012	- Thước đo.
58	Xác định hàm lượng hữu cơ	TCVN 8726:2012; TCVN 4196:2012; ASTM D2974; AASHTO T267	- Tủ sấy, có thể sấy tới 300oC - Bình hút ẩm có chất hút ẩm silicagel; - Các cân phân tích có độ chính xác 0,001 g hoặc 0,0001 g; - Cối và chày bằng sứ hoặc thủy tinh, đầu chày bọc cao su; - Các sàng thí nghiệm lỗ 2 mm; 0,25 mm; - Hộp chia mẫu nhiều rãnh hoặc dụng cụ chia mẫu thích hợp; - Các ống đong bằng thủy tinh, có dung tích chuẩn 10; 25 ; 50; 100; 250 ;500 và 1000 ml; - Ống hút (pipet) chia vạch chính xác đến 0,1 ml; - Ống chuẩn độ (buret) các loại

			dung tích 10; 25 ml, chia vạch chính xác đến 0,1 ml. - Ống nhỏ giọt; - Bình tam giác các loại, có dung tích chuẩn 50; 100; 250; 500 và 1000 ml; - Giấy lọc định tính; Bếp đun; - Các dụng cụ thí nghiệm thường dùng khác.
59	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-01, D2166M; BS EN 1377	Thiết bị đầm tạo mẫu Cân kỹ thuật Khay đựng mẫu Máy nén 1 trục có nở hông Đồng hồ so bách phân kế
60	Mô đun đàn hồi	22TCN 211:2006	Bộ đo E, đồng hồ SO, kích, giấy ô ly.....
61	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ kéo khi ép chế, modun đàn hồi, cường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 9403:2012; TCVN 8862:2011	Thiết bị đầm tạo mẫu, chế bị mẫu 50x100mm; Tủ sấy; Máy cắt gia công mẫu Thiết bị nén một trục không nở hông, đồng hồ đo lực Ca xúc mẫu, khay tông, máy trộn mẫu, xèng, bay trộn
KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, CÁP THÉP, BU LÔNG, VÍT, VÍT CÂY, ĐAI ỐC VÀ LIÊN KẾT HÀN			
62	Xác định kích thước hình học	TCVN 11227-2:2015; ISO 10799-2:2011;	- Thước kẹp, thước cuộn và thước góc
63	Thử kéo	TCVN 197-1:2014; TCVN 314:2008; TCVN 1651-1:2008; TCVN 9391:2012; TCVN 7937:2013 ASTM A370, B557; AASHTO T68; BS EN 10002; JIS Z2241	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.
64	Thử uốn	TCVN 198:2008; TCVN 1651-2:2008; TCVN 5891:2008; ISO 7438:2016; ISO 5173:2009; ISO 8491:2004; ASTM A370; JIS Z2248	Máy kéo, uốn thử vạn năng và phụ kiện (Kính lúp, đồ gá, gối đỡ, đầu búa uốn các cỡ,..)
65	Kiểm tra chất lượng mối hàn- Thử uốn	TCVN 5401:2010; AWS D1.1; EN 12814:Part 1	Máy kéo thủy lực vạn năng, máy kéo uốn đầu búa uốn các cỡ,...
66	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:2010; TCVN 8310:2010;	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu,

		TCVN 8311:2010; EN 12814:Part 2; JIS Z3121	- Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.
67	Kiểm tra chất lượng mối hàn - Thử va đập	TCVN 5402:2010	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.
68	Thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực, thép lưới hàn: xác định độ bền kéo, uốn và uốn lại, độ mỏi và các kích thước hình học	TCVN 7937:2013; TCVN 9391:2012; TCVN 6287:1997; ISO 15630-1,2,3; ISO 10065	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại.
69	Thử nghiệm bu lông, đai ốc, vít: Xác định khuyết tật ngoại quan, kích thước hình học, thử kéo, lực cắt, lực xiết	TCVN 197:2014; TCVN 1916:1995; TCVN 4795:1989; TCVN 4796:1989 ; ISO 898-1,2	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật - Thước lá kim loại.
70	Thử cáp ứng lực trước – thử độ tụt nê, neo	TCVN 10568:2017; ASTM A370-24; ASTM A1061-20	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Thước lá kim loại.
71	Thử kéo thép cốt bê tông mối nối bằng ống ren, chất lượng bề mặt, kích thước ống ren, chất lượng đầu ren	TCVN 7937-1:2013; TCVN 8163:2009; TCVN 197-1:2014; TCVN 13711-1:2023; ASTM A370-24	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại. - Bộ gá thử kéo
72	Ống kim loại - Thử kéo	TCVN 314:2008; ASTM A370	- Máy kéo thử vạn năng, bộ ngàm kẹp, thước kẹp điện tử
73	Ống kim loại - Thử nén bẹp	TCVN 1830:2008; ISO 8492; ASTM A370-24	- Máy kéo thử vạn năng, thiết bị khắc vạch mẫu, - Thước kẹp (5%mm), - Dụng cụ Palme (1%mm), - Cân kỹ thuật (0,1g), - Thước lá kim loại. - Bộ gá thử kéo
BÊ TÔNG NHỰA			
74	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011; ASTM D1559, D6927; AASHTO T245	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall kèm đồng hồ đo độ chảy, đảm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.
75	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy li tâm	TCVN 8860-2:2011; ASTM D2172; AASHTO T164;	Máy li tâm tách nhựa, tủ sấy, giấy lọc, cân điện tử chính xác 0,01g; ống đong 1L và 100ml, cốc nung,

		BS EN 12697-1	bình hút ẩm, C ₂ HCl ₃ , (NH ₄) ₂ CO ₃ và các dụng cụ khác
76	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011; ASTM C136; AASHTO T209	Bộ sàng, cân chính xác 0,1%, tủ sấy.
77	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình hút chân không, bình chứa mẫu, áp kế chân không, bơm hút chân không, cân chính xác 0,1%, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C, tủ sấy, khay và các dụng cụ phụ trợ
78	Xác định tỉ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726; AASHTO T166, T275	Cân chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng mẫu, tủ sấy, nhiệt kế chính xác 1 ⁰ C.
79	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011; ASTM D6390; AASHTO T305	Tủ sấy có thông gió với thang nhiệt 110 - 175 ⁰ C, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân chính xác 0,1g, chảo, bay.
80	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ổng đồng bằng thép hoặc bằng đồng D39 * H86mm dung tích 100ml, phễu kim loại, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt, cân chính xác 0,1g.
81	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011; AASHTO T230; TCVN 13567:2022	Phương pháp tính toán
82	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Phương pháp tính toán
83	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Phương pháp tính toán
84	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Phương pháp tính toán
85	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Phương pháp tính toán
86	Phương pháp Marshall để lựa chọn tỷ lệ và thành phần vật liệu trong Bê tông nhựa - Thiết kế thành phần cấp phối bê tông nhựa	TCVN 8820-2011	Phương pháp tính toán
87	Xác định ảnh hưởng của nước đến hỗn hợp bê tông nhựa đầm chặt	AASHTO T283	Máy nén Marshall, khuôn gá nén Marshall, đầm tạo mẫu BTN, khuôn, kích tháo mẫu, bể ổn nhiệt, bếp đun, chảo trộn, tủ sấy, nhiệt kế 2500C, cân 5kg * 0,1g; 10Kg * 1g; thước kẹp và các dụng cụ phụ trợ.
88	Sức kháng trượt bề mặt đường bằng con lăn Anh	TCVN 10271:2014	Bộ thiết bị thí nghiệm con lăn Anh
89	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định hình dáng bề ngoài, thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích, KL-TT và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hoà tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa, chỉ số dẻo của bột khoáng	TCVN 12884-2 :2020 ; TCVN 8735 :2012 ; AASHTO T37; ASTM D5329; TCVN 4197:2012; ASTM D4318; AASHTO T89, T90	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,01g. Bình thủy tinh 250 ml có miệng rót. Bếp cát. Bình hút ẩm. Phễu thủy tinh. Giấy lọc. Bình để rửa. Tủ sấy. Bát sứ. Nước cất. Lò nung Các tấm kính nhám Rây (1mm), Cối và chày có đầu bọc cao su Bình thủy tinh có nắp Dụng cụ Casagrande, bát tráng men, dao để trộn

CÓT LIỆU CHO BÊ TÔNG NHỰA			
90	Xác định thành phần hạt	TCVN 12884-2:2020; AASHTO T27	Bộ rây tiêu chuẩn 0.600mm; 0.300mm; 0.150mmmm và 0.075mm, tủ sấy; Cân điện tử chính xác 0.01g; Đồng hồ bấm giờ.
91	Xác định tỷ trọng khối, độ hút nước	AASHTO T84; AASHTO T85:2022	Cân kỹ thuật, Dụng cụ chứa mẫu dung tích giỏ thường từ 4 đến 7 Lít; Bể nước, Tủ sấy; Rây 4,75mm; Khăn lau thấm nước.
92	Xác định hàm lượng hạt nhỏ hơn 0,075mm	AASHTO T11	Cân chính xác đến 0.1g hoặc 0.1%; Rây dưới 75µm; Dụng cụ chứa mẫu/rửa; Tủ sấy; Chất trợ nổi tác nhân làm ướt; Thìa hoặc dụng cụ khoáy.
93	Xác định độ hao mòn Los Angeles	TCVN 7572-12:2006; EN 1997-2	Máy Los Angeles, - Bi thép, khối lượng từ mỗi viên từ 390 g đến 445 g (từ 6 đến 12 viên); Cân kỹ thuật độ chính xác 1 %; Bộ sàng 1,7 mm; Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105°C đến 110°C; Khay đựng
94	Xác định hàm lượng sét cục và hạt mềm yếu	AASHTO T112	Cân điện tử chính xác đến 0.1mg; Bộ rây tiêu chuẩn; Tủ sấy; Nước.
95	Xác định hàm lượng cuội sỏi bị đập vỡ	TCVN 7572-18:2006	Cân chính xác đến 0.1%; Bộ sàng tiêu chuẩn; Tủ sấy; Khay đựng mẫu; Kính lúp hoặc thước kẹp.
96	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt	TCVN 7572-13:2006	Bộ sàng tiêu chuẩn; Thước kẹp chuyên dụng hoặc thước kẹp thoi dẹt; Cân chính xác đến 0.1%; Tủ sấy; Khay đựng mẫu.
97	Xác định cường độ nén đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén thủy lực; Tủ sấy; Thước kẹp; Máy gia công mẫu; Bình ngâm mẫu.
98	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017; AASHTO T326	Thùng đóng; Phễu rót; Giá đỡ phễu; Tấm kính; Cân có độ chính xác đến 0.1g; Tủ sấy; Bộ sàng tiêu chuẩn gồm các sàng có kích thước lỗ 19mm; 12.5mm; 9.5mm và 4.75mm.
99	Xác định độ dính bám đá – nhựa đường	TCVN 7504:2005	Tủ sấy; Cốc thủy tinh hoặc bát sứ; Kẹp gấp; Giá treo hoặc lưới thép; bếp điện hoặc nguồn nhiệt; Đồng hồ bấm giờ; Nhiệt kế.
100	Xác định mô đun độ lớn	AASHTO T27	Bộ sàng tiêu chuẩn; Cân kỹ thuật; Tủ sấy; Máy lắc sàng.
101	Xác định độ góc cạnh của cốt liệu nhỏ	TCVN 8860-7:2011; AASHTO T304:2022	Ổng đóng chuẩn; Phễu rót; Giá đỡ phễu; Tấm kính hoặc tấm kim loại phẳng; Cân điện tử có độ chính xác đến 0.1g; Tủ sấy; Bộ sàng tiêu chuẩn
102	Xác định giá trị đương lượng cát	AASHTO T176	Ổng trụ nhựa có chia vạch; Bộ quả phao có khối lượng tổng cộng là 1000 ± 5g; Ổng sục; Bộ ống xi- phông; Nút cao su; Máy lắc đương lượng cát; Đồng hồ bấm giây; Cân

			điện tử và Tủ sấy; Hóa chất.
103	Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006; AASHTO T21:2020	Ổng đông thủy tinh; Bảng màu chuẩn; Tủ sấy có khả năng duy trì nhiệt độ ở mức $(110 \pm 5)^{\circ}\text{C}$; Cân kỹ thuật, hóa chất.
104	Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét	TCVN 7572-18:2006	Cân điện tử có độ chính xác đến 0.1%; Tủ sấy; Thùng rửa; Sàng có kích thước lỗ 0.075mm; Thước đo có vạch chia đến 1mm; Thanh khuấy bằng gỗ hoặc kim loại.
NHỰA BITUM, NHỰA ĐƯỜNG LÔNG, NHỰA TƯƠNG NHỰA ĐƯỜNG GÓC AXÍT			
105	Xác định độ kim lún ở 25°C , độ kim lún PI	TCVN 7495:2005; ASTM D5; AASHTO T49; EN 1426	- Máy đo độ kim lún, kim nặng 100g, - Đồng hồ bấm dây, nhiệt kế 50°C ($0,1^{\circ}\text{C}$), - Chậu nhôm đáy phẳng (Φ 55, cao 35mm), - Bình chứa cốc mẫu ($\geq \Phi$ 90, cao $\geq 55\text{mm}$), - Chậu đựng nước (15l), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Thiết bị điều hòa nhiệt độ
106	Xác định modun đàn hồi và độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496:2005; ASTM D113; AASHTO T51	- Máy kéo dài ($5\text{cm} \pm 0,5\text{cm/ph}$), - Khuôn bằng đồng, - Nhiệt kế 50°C ($0,1^{\circ}\text{C}$), - Chậu đựng nước (15l), - Thiết bị gia nhiệt bếp ga, bếp điện hay bếp dầu hỏa, đun chảy nhựa - Dao cắt, gọt nhựa
107	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497:2005; ASTM D3; AASHTO T53	- Khuôn tròn có đk trong Φ $15.9 \pm 3\text{mm}$ cao $6.4 \pm 4\text{mm}$ để chứa nhựa đường, - Bi thép (Φ $9,5 \pm 0,03\text{mm}$), nặng $3,5 \pm 0,05\text{g}$, - Khuôn treo, - Vòng dẫn hướng của bi thép - Bình thủy tinh co dung tích 800ml, - Dao cắt, dùng cắt nhựa - Nhiệt kế (200°C, chia $0,5^{\circ}\text{C}$), - Dụng cụ cấp nhiệt, (bếp ga hoặc bếp điện, bếp dầu để đun chảy nhựa - Dụng cụ và hóa chất cần dùng: + Ethylene glycol có điểm sôi giữa $193^{\circ}\text{C} \div 204^{\circ}\text{C}$. + Vadolin (glixerin) để bôi trơn. + Nước đá.
108	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 ; TCVN 8818-2:2011; ASTM D92; AASHTO T48	- Thiết bị thí nghiệm độ bắt lửa của nhựa đường , - Nhiệt kế (400°C, chia $0,5^{\circ}\text{C}$), - Đồng hồ bấm giây. - Bình ga gia nhiệt
109	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005	- Giá quay tổn thất 5v/p, tủ sấy 300°C , hộp nhôm, tủ sấy 300°C ..

110	Xác định tỷ lệ độ kim lún sau gia nhiệt 5 giờ ở 163°C so với ban đầu	TCVN 7495:2005	Máy đo kim lún, cốc đựng mẫu, nhiệt kế, bể ổn định nhiệt.
111	Xác định độ hòa tan trong tricloetylen	TCVN 7500:2023; ASTM D2042; AASHTO T44; ASTM D7573	Dụng cụ lọc (cốc Gooch, đệm thủy tinh, ống lọc, ống cao su), bình tam giác, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc phân tách
112	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501:2005; ASTM D70; AASHTO T228	- Bình tỷ trọng, chậu ổn nhiệt, nhiệt kế, cốc thủy tinh, nước cất đã khử ion.
113	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005; TCVN 8818-5:11	- Nhớt kế, nhiệt kế, dụng cụ đo thời gian,
114	Xác định hàm lượng parafin	TCVN 7503:2005	- Tủ sấy, nhiệt kế, bình chưng cất, ống nghiệm, cân
115	Xác định độ dính bám đối với đá	TCVN 7504:2005	Cốc mỏ 1000lm, bếp điện, đồng hồ bấm giây, tủ sấy, giá treo mẫu và các viên đá 20x40mm
116	Xác định độ nhớt Saybolt Furol	TCVN 8817-2:2011	Nhớt kế, phễu lọc, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, bình đông thủy tinh, đồng hồ bấm giây.
117	Xác định độ lắng, độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3:2011	Bình đựng mẫu, ống thủy tinh, cân, cốc, thìa khuấy, tủ sấy.
118	Xác định lượng hạt quá cỡ	TCVN 8817-4:2011	Sàng, khay, nhiệt kế, cân, tủ sấy, bình hút ẩm, cốc thủy tinh ...
119	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5:2011	Nguồn điện ampe kế, điện cực, cốc thủy tinh, thanh đỡ, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây
120	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6:2011	Lưới sàng, cốc thìa kim loại, cân, tủ sấy, thuốc thử ...
121	Thử nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7:2011	Sàng, khay kim loại, chảo trộn, thìa trộn, ống đồng, cân, tủ sấy ...
122	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8:2011	Chảo trộn, dao trộn, sàng, bình phung sương, nhiệt kế, cân ...
123	Xác định chung cất, xác định hàm lượng nhựa và hàm lượng dầu có trong nhũ tương nhựa đường	TCVN 8817-9:2011	Nồi chưng , đèn đốt, ống thủy tinh, nhiệt kế, cân, sàng ...
124	Thử nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10:2011	Cốc thủy tinh, thìa thủy tinh, cân, tủ sấy, sàng, ...
125	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích nhanh	TCVN 8817-11:2011	Cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân, khay kim loại, ống đồng, nhiệt kế, ...
126	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axit phân tích chậm	TCVN 8817-12:2011	Tấm kim loại, sào, cốc thủy tinh, cối trộn, cân kỹ thuật, dao trộn, cát chuẩn ...
127	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13:2011	Cốc thủy tinh, ống đồng, nhiệt kế, thìa thủy tinh, ...
128	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14:2011	Bình đông, cân, bể ổn nhiệt, ...
129	Xác định độ dính bám với cốt	TCVN 8817-15:2011	Cốc kim loại, chảo, ống đồng, dao

	liệu tại hiện trường		trộn, sàng ...
130	Xác định độ đàn hồi của nhựa đường Polime	22 TCN 319:2004; TCVN 11194:2017	Cốc trộn, cốc rửa, dao trộn, tủ sấy, cân, khay kim loại, ống đong, nhiệt kế, ...
131	Độ ổn định lưu trữ của nhựa đường Polime	22 TCN 319:2004; TCVN 11194:2017	Tấm kim loại, sàn, cốc thủy tinh, cối trộn, cân kỹ thuật, dao trộn, cát chuẩn ...
132	Thử nghiệm xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2:2011	Cốc thủy tinh, ống đong, nhiệt kế, đĩa thủy tinh, ...
133	Thử nghiệm xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3:2011	Bình đong, cân, bể ổn nhiệt, ...
134	Thử nghiệm chung cốt	TCVN 8818-4:2011	Cốc kim loại, chảo, ống đong, dao trộn, sàng ...
135	Thử nghiệm xác định độ nhớt tuyệt đối (sử dụng nhớt kế mao dẫn chân không)	TCVN 8818-5:2011; TCVN 7502:2005	Nhớt kế, phễu lọc, nhiệt kế, bể ổn nhiệt, bình đong thủy tinh, đồng hồ bấm giây.
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
136	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; 22TCN 02:71; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; AASHTO T204;	- Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm³), - Cân đĩa 5kg độ nhạy(1-2g), - Cân đĩa 0,5kg độ nhạy(0,1g), - Dao gạt đất lưỡi phẳng, - Hộp nhôm, - Vazolin hoặc mỡ để bôi trơn, - Chảo sấy hoặc cùn đốt 90°trở lên, - Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm
137	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; ASTM D 1556; AASHTO T191	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, đế định vị). - Cát chuẩn - Cân cân được 15kg chính xác 1,0g. - Cân cân chính xác 0,01g, Cồn - Bộ sàng lỗ sàng 2,36;1,18;0,6;0,3mm - Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông
138	Xác định khối lượng thể tích đất hiện trường bằng PP đổ nước hồ đào và PP cát thay thế	ASTM D5030; ASTM D4914	- Phễu rót cát, cát chuẩn,.....
139	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012	- Cân cân kỹ thuật. - Khay, Cồn, dụng cụ lấy mẫu - Chảo sấy hoặc cùn đốt 90°trở lên - Bộ dao vòng - Bộ sàng lỗ sàng 2; 5; 20 và 60mm
140	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	- Cân cân kỹ thuật. - Khay, Cồn, dụng cụ lấy mẫu - Máy xác định độ ẩm của đất tại hiện trường
141	Đất xây dựng công trình thủy	TCVN 8730:2012	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu,

	lợi – phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường		đề định vị). - Cát chuẩn - Chảo sậy hoặc cùn đốt 90°trở lên
142	Xác định môđun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; 22TCN 335:2006; ASTM D1194, D1195; AASHTO T221;	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Tấm ép cứng, giá đỡ đồng hồ biến dạng Cần Benkenman hoặc cần đo độ võng Xe chất tải
143	Xác định môđun đàn hồi “E” chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695; AASHTO T256	- Cần Benkenman - Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN. - Kích thủy lực, đồng hồ đo biến dạng
144	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011; ASTM E965	- Cát chuẩn - Ống đồng cát - Bàn xoa cát hình tròn - Bàn chải sắt và bàn chải lông mềm - Thước dài khắc vạch 500mm - Cân có độ nhạy 0,1g - Tấm chắn gió
145	Xác định độ bằng phẳng mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011; ASTM E1082	Thước phẳng 3m, calip đo chênh cao
146	Xác định môđun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354:2012; ASTM D4395	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế.
147	Đo điện trở nổi đất, điện trở chống sét cho công trình	TCVN 9385:2012;	Thiết bị đo điện trở đất, cọc tiếp địa, dây nối
148	Xác định cường độ nén của bê tông bằng súng bật nảy	TCVN 9334:2012	Thiết bị súng bật nảy
149	Phương pháp không phá hoại sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012	Thiết bị súng bật nảy và thiết bị sử dụng xác định vận tốc siêu âm
150	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2012	Thiết bị thí nghiệm: Máy khoan tạo lỗ; ống mẫu tiêu chuẩn; búa đóng 63,5kg; cần trượt định hướng; đế nện; ...
151	Thí nghiệm cọc khoan nhồi bằng phương pháp siêu âm	TCVN 9396:2012	Máy siêu âm cọc khoan nhồi
152	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020; TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-2	Máy khoan rút lõi, mũi khoan, thước lá, máy phát điện, máy nén, uốn, cân...
153	Xác định lực kéo nhổ thép, bu lông, vít cấy trên kết cấu	TCVN 11741:2017; ASTM E3121-17	Kích thủy lực, bộ ngàm,.....
154	Kiểm tra cường độ chịu kéo nhổ của thép khoan cấy, ống neo, bu lông neo	TCVN 9490:2012	Bơm kích thủy lực 60T, Bộ nhỏ bulông hiện trường, ...
155	Thí nghiệm cắt cánh hiện trường (FVT)	22TCN 355:2006	Thiết bị cắt cánh FVT Cần cắt tiêu chuẩn, cánh cắt các loại

			Thiết bị đọc lực Đồng hồ đo Giá chữ A
156	Thí nghiệm CBR hiện trường	TCVN 8821:2011;	Bộ gia tải CBR quay tay, piston xuyên, cần nối dài, Tải trọng xe, giàn thiên phân kế, thiên phân kế
157	Thí nghiệm xuyên tĩnh (CPT)	TCVN 9352:2021	Bộ thí nghiệm xuyên tĩnh
158	Thí nghiệm xuyên động (DCP)	ASTM D1586	Bộ thí nghiệm xuyên động
159	Thí nghiệm đổ nước trong lỗ khoan và hố đào	TCVN 8731:2012; TCVN 8731:2023	Bộ thí nghiệm đổ nước hố khoan, hố đào
160	Thí nghiệm ép nước trong hố khoan	TCVN 9149:2012	Bộ thí nghiệm đổ nước hố khoan, hố đào
161	Cống hộp và cống tròn: Ngoại quan, khuyết tật, kích thước và đo sai lệch kích thước; Khả năng chịu tải của đốt cống; Xác định khả năng chống thấm nước của ống cống	TCVN 9116:2012; TCVN 9113:2012; ASTM C118; ASTM T280; ASTM C497	-Thước thép, Thước kẹp, độ chính xác đến 0,1 mm, Kính lúp có độ phóng đại từ 5 lần đến 10 lần, Bộ thước căn lá để kiểm tra vết nứt, độ dày của các lá căn (0,05 , 1,00) mm -Máy ép thủy lực hoặc máy ép cơ học dùng hệ thống kích thủy lực. - Đồng hồ đo thời gian.
THÍ NGHIỆM BENTONITE			
162	Thí nghiệm Bentonite, Polymer: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, độ pH, tỷ lệ chất keo, lực cắt tĩnh, độ dày áo sét, tính ổn định, lượng mất nước	TCVN 9395:2012; TCVN 11893:2017; TCVN 13068:2020; ASTM D4380, D6910, D4381, D5891, D4972	Cân tỷ trọng (Hộp cân, quả cân, thang đo, bầu chứa bentonite, nắp đáy) Phễu cân 1500ml, đồng hồ bấm giờ, ca chia vạch 100ml, giá đỡ kim loại Phễu cân, lưới rây, Bình đo bằng thủy tinh, bình chứa nước sạch Thang màu chuẩn, Giấy quỳ
THỬ NGHIỆM CỘT ĐIỆN BÊ TÔNG CỐT THÉP LY TÂM			
163	Kiểm tra kích thước, các khuyết tật, sai lệch cho phép	TCVN 5847:2016	Thước lá, thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.
164	Xác định khả năng chịu tải	TCVN 5847:2016	Kích thủy lực
THỬ NGHIỆM VỮA XÂY DỰNG			
165	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	- Bộ sàng tiêu chuẩn có kích thước lỗ sàng 10mm; 5mm; 2,5mm; 1,25mm; 0,63mm; 0,315mm, 0,14mm (TCVN 342 : 1986) và sàng có kích thước lỗ 0,08mm; - Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - Tủ sấy điện có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ ở 105 ⁰ C + 5 ⁰ C và 60 ⁰ C .
166	Xác định lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	- Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; - bàn dẫn vữa, thước kẹp

167	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật có độ chính xác tới 1 gam. Bình đong bằng kim loại không gỉ, có thể tích 1 lít, đường kính trong bằng 113 mm.
168	Xác định khả năng giữ độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-8:2022	Máy hút chân không, đồng hồ đo áp lực chân không, bình chứa 1 lít – Phễu có đường kính trong 154 mm – 156 mm, chiều cao 20mm. – Đồng hồ bấm giây. – Giấy lọc loại chảy trung bình, 20 g/m ² , có đường kính bằng đường kính trong của phễu. – Thiết bị thử độ lưu động theo TCVN 3121-3: 2003.
169	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	– Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; Đồng hồ bấm giây, thước kẹp
170	Xác định khối lượng thể tích của mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	– Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1 gam; – Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh và ổn định nhiệt độ; – Thước kẹp có độ chính xác 0,1 mm; – Cân thủy tĩnh.
171	Xác định cường độ uốn và cường độ nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022; TCVN 11971:2018; ASTM C109, C349, C942	- Khuôn bằng kim loại, có hình lăng trụ. Chày đầm mẫu, được làm từ vật liệu không, Thùng bảo dưỡng mẫu - Mảnh vải cotton, - Tấm kính - Máy thử uốn, có khả năng chịu tải đến 5 KN - Máy thử nén máy nén có khả năng tạo lực nén đến 100 KN Tấm nén phải đảm bảo phẳng, khe hở bề mặt giữa 2 tấm nén không lớn hơn 0,01mm;
172	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn với nền	TCVN 3121-12:2022	Thiết bị bám dính vữa Keo dán, giấy nhám
173	Xác định hàm lượng ion Clo hòa tan trong nước	TCVN 3121-17:2022	- Cân kỹ thuật (1g), - Thùng ngâm mẫu, - Tủ sấy 200 ^o C, - Khăn lau mẫu - Thước lá
174	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18:2022	- Cân kỹ thuật - Thùng ngâm mẫu - Khăn lau mẫu - thước lá
175	Vữa xi măng trộn sẵn không co: Xác định độ tách nước, độ chảy, cường độ nén	TCVN 9204:2012; ASTM C827, C1090; JIS R5201	- Cân kỹ thuật - Khăn lau mẫu - thùng kim loại, Pi pet
176	Xác định độ hút nước do mao	TCVN 9028:2011	- Cân kỹ thuật - Khăn lau mẫu

	dẫn của vữa trát sử dụng cho bề mặt ngoài khối xây		- thước lá
177	Vữa chèn cáp dự ứng lực: xác định lượng vón cục, độ chảy, độ chảy lan tỏa, độ tách nước, thay đổi thể tích trong quá trình đông kết, thời gian đông kết, cường độ nén	TCVN 11971:2018; BS EN 447-2007	- Ống đồng - Sàng 2mm, côn xác định độ chảy, - Đồng hồ bấm giây, nhiệt kế, tâm phẳng, Ống hình trụ Đk trong 39mm và chiều cao 60mm - Thước đo độ dài, ống hình trụ bằng thép
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ GẠCH XÂY DỰNG			
178	Kiểm tra kích thước và mức khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1:2009	Dùng thước lá Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.
179	Xác định cường độ bền nén	TCVN 6355-2:2009	Máy nén thủy lực có bảng lực từ 30 đến 60 tấn sai số của máy không lớn hơn $\pm 2\%$, máy cưa để tạo mẫu thử, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay, chảo ... trộn vữa xi măng.
180	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3:2009	Máy thử uốn hoặc nén, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vữa trát mẫu bay chảo
181	Xác định độ hút nước	TCVN 6355-4:2009	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, thùng để ngâm mẫu
182	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 6355-5:2009	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính các 0.01g, 500ml dầu hỏa.
183	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6:2009	Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1g, Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, thước đo có độ chính xác tới 1mm,
184	Xác định vết tróc do vôi	TCVN 6355-7:2009	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, bình cao cổ để xác định khối lượng riêng, cân kỹ thuật 500g chính các 0.01g, 500ml dầu hỏa.
185	Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476:1999; TCVN 6355:2009; TCVN 6065:1995	- Các miếng kính để là phẳng mặt vữa trát mẫu. - Bay chảo để hồ trộn xi măng. - Máy nén có thang lực thích hợp - Bộ má ép bằng thép Tủ sấy tới 2000C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác 1g, Thùng để ngâm mẫu Thước cặp thép có độ chính xác 0.01ml , cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1g, tủ sấy, cát , máy mài gạch,
186	Gạch Bê tông: Thí nghiệm kích thước, khuyết tật ngoại quan;	TCVN 6477:2016	Dùng thước lá; Thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.

	cường độ nén; độ rỗng; độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước		- Thước lá chia vạch 1mm, - Các miếng kính để là phẳng vừa trát mẫu, bay, chảo trộn mẫu - máy nén có thang lực thích hợp để khi nén, tải trọng phá hủy nằm trong khoảng từ 20% đến 80% tải trọng lớn nhất của thang lực nén đã chọn. - Cân kỹ thuật chính xác đến 1g, - Cát khô - các miếng kính, bộ má ép (120x60) dày 15mm Thiết bị thử được chế tạo bằng tôn tráng kẽm hoặc bằng đồng, các mối hàn và bu lông phải chắc chắn để nước không rò ra ngoài ống đo nước có đường kính 35-40mm và có vạch chia tới 2ml
THỬ NGHIỆM GẠCH TERRAZZO, GẠCH XI MĂNG LÁT NỀN			
187	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 7744 :2013	Thước lá, thước kẹp, căn chuẩn, thước vuông góc.
188	Xác định độ hút nước bề mặt	TCVN 7744 :2013	Máy thử uốn, nén vạn năng, thước đo có độ chính xác tới 1mm, các miếng kính để là phẳng vừa trát mẫu bay chảo
189	Xác định độ bền uốn	TCVN 7744 :2013	Tủ sấy tới 200 ⁰ C có điều chỉnh nhiệt độ, Cân kỹ thuật có độ chính xác đến 1b, thùng để ngâm mẫu.
190	Xác định độ mài mòn bề mặt	TCVN 7744 :2013	Máy mài, vật liệu mài, thước cặp kim loại, cân kỹ thuật, tủ sấy
PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC CHO XÂY DỰNG			
191	Xác định hàm lượng cặn không tan, hàm lượng muối hòa tan	TCVN 4560:1988; TCVN 4506:2012	Phễu và giấy bọc bằng xanh; Bình trụ dung tích 1000ml; Tủ sấy 300 ⁰ C; Cân kỹ thuật chính xác tới 0.001g; Cốc thủy tinh; Bình định mức có dung tích 1 lít; Bình hình nón có dung tích 250ml; Hóa chất bạc nitrat dung tích 0.05N; Kali cromat dung tích 5%
192	Lượng tạp chất hữu cơ	TCVN 4506:2012	Bát sứ dung tích 500ml; Bếp điện; Tủ sấy 300 ⁰ C; Cân kỹ thuật chính xác tới 0.001g; Đũa thủy tinh; Pipet, nước cất; Dung dịch Natri cacbonat 1%
193	Độ pH	TCVN 6492:2011	Giấy quỳ đo độ PH vạn năng (pp thông thường); Cốc thủy tinh
194	Hàm lượng ion sunfat (SO ₄ ²⁻)	TCVN 6200:1996	Cân phân tích, có thể cân chính xác đến 0.0002g; Bát cô bằng bạch kim dung tích 250ml; Ống hút 50ml; Ống đo màu sắc; Ống chuẩn độ vi lượng; HCL nồng độ 5%; Mê tin da cam 0.1%; BaCl 10%; H ₂ SO ₄ 0.1N
195	Hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996	Thuốc thử Buret dung tích 25ml

2.2 Danh mục máy móc và thiết bị:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL	Ghi chú
1	Máy kéo nén đa năng 1000KN - TQ, Model: WES-1000B, hiển thị điện tử trên máy tính	Bộ	1	
3	Máy nén bê tông PHOENIX HERCULES, VN, Model: HCL 18099, hiển thị điện tử	Bộ	1	
4	Máy nén bê tông NYL -2000D, TQ, Model: 342, hiển thị cơ	Bộ	1	
5	Bộ giá uốn mẫu BT 2 điểm - T- TECH; Model: C090-09	bộ	1	
6	Khuôn trụ ĐK150 x cao300 - T-TECH	ch	30	
7	Bộ đế capping D150mm, T-TECH; Model: C290	bộ	1	
8	Bột capping- T-TECH;	kg	30	
9	Khuôn lập phương 150 x 150x 150 TQ/VN	ch	20	
10	Khuôn lập phương 150 x 150x 150 kẹp 3 - T.TECH	bộ	1	
11	Khuôn lập phương 100 x 100x 100 kẹp 3 - T.TECH	bộ	1	
12	Khuôn bê tông thử uốn 150 x 150x 600 - T.TECH	ch	1	
13	Khuôn lập phương 200 x 200x 200 TQ/VN	ch	3	
14	Bàn rung mẫu bê tông 600 x 900 - T.TECH	ch	1	
15	Côn thử độ sụt bê tông - T.TECH	bộ	1	
16	Bộ ép chế mẫu bê tông hình trụ - T.TECH; Model: C100	bộ	1	
17	Thiết bị đo modul đàn hồi khi nén - T.TECH	bộ	1	
18	Bộ tấm ép mẫu gạch tự chèn - T.TECH	bộ	1	
19	Máy trộn vữa, xi măng tiêu chuẩn, TQ; Model: JJ5	ch	1	
20	Máy dẫn vữa xi măng tiêu chuẩn, TQ; Model: ZS-15	ch	1	
21	Bộ giá uốn mẫu XM 40x40x160 - T.TECH; Model: E172-02	bộ	1	
22	Bộ giá nén mẫu XM 40x40 - T.TECH; Model: E170	bộ	1	
23	Dụng cụ Vica - T.TECH; Model: E055	bộ	1	
24	Thùng hấp mẫu xi măng - T.TECH; Model: E136; dung tích: 20 lít	ch	1	
25	Khuôn uốn xi măng 40x40x160 kẹp 3 TQ; Model: E100	bộ	6	
26	Khuôn xi măng Le Chaterlier - T.TECH; Model: E066	ch	6	
27	Bình tỷ trọng xi măng, TQ	ch	10	
28	Sàng độ mịn xi măng 0.09mm - TQ	ch	3	
29	Bàn dẫn vữa xi măng - T.TECH	bộ	1	
30	Khuôn vữa xi măng 70.7 x 70.7x 70.7 kẹp 3 TQ	bộ	3	
31	Khuôn 50x50x50 kẹp 3 - T.TECH	bộ	1	
32	Phễu xác định khả năng giữ độ lưa động của vữa - T.TECH	bộ	1	
33	Bộ giá uốn gạch xây	bộ	1	
34	Súng bắn bê tông - TQ	ch	1	
35	Mũi khoan kim cương đk101.6mm - Hàn Quốc (loại mũi liền)	ch	10	
36	Máy khoan bê tông, nhựa đường	ch	2	
37	Máy phát điện 220v, 2.5Kw	ch	1	
38	Protot cải tiến: cối S186 + chày S188- T.TECH	bộ	1	
39	Protot chuẩn: cối S185 + chày S187- T.TECH	bộ	1	

40	Máy đầm Protor , TQ; Model MZ-1.1	ch	1	
41	Máy nén CBR/MARSHALL, nén đất 50KN – KD -VN	ch	1	
42	Khuôn CBR - T.TECH	bộ	6	
43	Đĩa phân cách: T.TECH	ch	2	
44	Giấy lọc : D150 (100 tờ/hộp) TQ	hộp	5	
45	Sàng tiêu chuẩn và sàn đất - TQ bao gồm: 10; 5; 2.5; 2; 1.25; 1; 0.63; 0.5; 0.315; 0.25; 0.14; 0.1 mm đáy và nắp.	ch	13	
46	Bộ sàng đá và cấp phối đk 200 bao gồm: 75; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 15; 12.5; 10; 5; 4.75; 3; 2; 0.45; 0.075; đáy và nắp. - TQ	ch	18	
47	Bộ sàng đá và cấp phối đk 300 bao gồm: 75; 60; 50; 40; 37.5; 30; 25; 20; 15; 12.5; 10; 5; 4.75; 3; 2; 0.45; 0.075; đáy và nắp. - TQ	ch	18	
48	Bộ sàng cốt liệu BTN đk300 bao gồm 37.5; 25; 20; 19; 12.5; 9.5; 4.75; 2.36; 1.18; 0.6; 0.3; 0.15; 0.075; đáy và nắp - TQ	ch	14	
49	Máy khuấy chạy điện siêu tốc 10 000v/ph	ch	1	
50	Tỷ trọng kế - nhập ngoại	ch	2	
51	Máy lắc sàng - TQ Model: 8411; Model ZBSX-92A	ch	2	
52	Chất rửa sàng - VN	lít	2	
53	Bộ chia mẫu 1" Model A065 - T.TECH	bộ	1	
54	Bộ chia mẫu 2" Model A066 - T.TECH	bộ	1	
55	Thiết bị chảy casagrande; Model: S170, bao gồm dụng cụ khía rãnh, dao trộn, bát trộn.	ch	1	
56	Bộ thí nghiệm Vaxilieps - T.TECH	bộ	1	
57	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất Model: S178	bộ	1	
58	Tấm kính xác định giới hạn dẻo - T.TECH	ch	2	
59	Máy thử độ mài mòn Los Angeles - T.TECH; Model: A075	ch	1	
60	Bộ xi lanh nén đập đá D75 - T.TECH; Model: A082	bộ	1	
61	Bộ xi lanh nén đập đá D150 - T.TECH; Model: A083	bộ	1	
62	Bộ xác định đương lượng cát (không kèm máy lắc) - T.TECH	bộ	1	
63	Máy lắc đương lượng cát - T.TECH	ch	1	
64	Thiết bị xác định hàm lượng sét của đá (bình rửa đá) - T.TECH	ch	2	
65	Thiết bị xác định hàm lượng sét của cát (bình rửa đá) - T.TECH	ch	2	
66	Ống đong hình trụ 250ml	ch	3	
67	Hóa chất NaOH - TQ	kg	10	
68	Bảng màu chuẩn - T.TECH	ch	5	
69	Phễu thủy tinh TQ; Model: V119-02	ch	5	
70	Phễu xác định độ xốp của đá, T.TECH; Model:C185	ch	1	
71	Phễu xác định độ xốp của cát, T.TECH; Model:C185-01	ch	1	
72	Hộc đong 1 lít T.TECH	ch	1	
73	Hộc đong 2 lít T.TECH	ch	1	
74	Hộc đong 5 lít T.TECH	ch	1	
75	Bình tỷ trọng đất 100cc, TQ	ch	3	
76	Dụng cụ hấp phụ nước của cát - T.TECH	bộ	1	
77	Bộ kim sắt xác định độ phong hóa - VN	bộ	2	
78	Thuốc xác định hạt dài, hạt dẹt- T.TECH	ch	1	
79	Phễu rót cát; kèm bình thể tích chuẩn và tấm dụng trọng hiện trường, thùng gỗ, 4 đinh gim - T.TECH	bộ	3	

80	Cát chuẩn - VN; Model: S235	kg	50	
81	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH; Model: S084 kèm 3 lưỡi dao	bộ	3	
82	Dao vòng 100cm ³ (200cm ³) - T.TECH	ch	20	
83	Bộ đo E bằng tám ép tĩnh - bao gồm: tám ép đk 340mm, tám tự lựa, kích thủy lực 32 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực, bộ giàn đỡ thiên phân kế , 02 thiên phân kế.	bộ	3	
84	Bộ cân Benkenmam - T.TECH; kiểu dáng ELE (ANH); tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX, rút 3 đoạn	bộ	3	
85	Thuốc phẳng 3m - T.TECH; Model: B099, kèm 2 calip B099-01	bộ	1	
86	Dụng cụ xác định độ nhám mặt đường bằng PP rắc cát; Model: B111	bộ	1	
87	Bộ thí nghiệm xuyên động DCP hiện trường - T.TECH; Model: S050	bộ	1	
88	Máy đo điện trở - KYORITSU - Nhật; Model: 4102	bộ	1	
89	Máy kiểm tra độ thấm nước của bê tông; Model: HS-40	ch	1	
90	Máy nén đất tam liên WG, kèm đầy đủ phụ kiện như quả cân, đá thấm, dao cắt ... TQ	bộ	1	
91	Máy cắt đất 2 tốc độ EDJ-1 (ZJ), kèm đầy đủ phụ kiện: quả cân, hộp cắt, cung lực, đồng hồ - TQ	bộ	1	
92	Dao cắt đất 30cm ² - T.TECH	ch	15	
93	Dao cắt đất 50cm ² - T.TECH	ch	15	
94	Hộp thấm đất nam kinh - TQ	hộp	1	
95	Bộ thấm đất cột nước không đổi - TQ	bộ	1	
96	Bảng cột nước cho bộ thấm	bộ	1	
97	Bộ trương nở đất – TQ	bộ	1	
98	Máy đầm tạo mẫu marshall –TQ; Model: TDJ-III	bộ	1	
99	B030-01: Cỗ khuôn Marshall	ch	2	
100	B030-02: Đế khuôn Marshall	ch	2	
101	B030-03: Thân khuôn Marshall	ch	12	
102	Thùng ổn nhiệt - T.TECH; Model: B050 Nhiệt độ điều khiển: 0-100 độ	ch	1	
103	Máy ly tâm tách nhựa – KD; Model: B012. khả năng: 3000g	ch	1	
104	Giấy lọc (100 tờ/hộp) TQ	hộp	3	
105	Thiết bị giãn dài nhựa - T.TECH; Model: B054	ch	1	
106	Khuôn mẫu chuẩn, hình số 8 bằng đồng - T.TECH; Model: B054-01	ch	3	
107	Thiết bị kim lún nhựa – TQ; Model: DF6; Hiển thị điện tử thông số thời gian và độ sâu xuyên	bộ	1	
108	Thiết bị TN bốc cháy nhựa - T.TECH; Model: B086 (không kèm bình ga và van)	bộ	1	
109	Thiết bị TN hóa mềm nhựa - T.TECH; Model: B072	bộ	1	
110	Thiết bị thí nghiệm tổn thất khi nung - T.TECH; Model: B064	bộ	1	
111	lò nung 1000c - TQ	ch	1	
112	Kính lúp TQ	ch	3	
113	Chén sứ chịu nhiệt - TQ	ch	10	
114	Máy trộn bê tông nhựa nóng, TQ; Model: BH-20	ch	1	
115	Bát sứ thí nghiệm – TQ	ch	5	
116	Bát INOX - VN	ch	5	
117	Đũa thủy tinh - TQ	ch	5	
118	Nhiệt kế thủy tinh 0-100C -TQ	ch	3	

119	Nhiệt kế thủy tinh 0-300C -TQ	ch	3	
120	Nhiệt kế kim loại 0-250C -TQ	ch	2	
121	Ống đong 50ml, Model: V101-01	ch	3	
122	Ống đong 100ml, Model: V101-02	ch	3	
123	Ống đong 250ml, Model: V101-03	ch	3	
124	Ống đong 500ml, Model: V101-04	ch	3	
125	Ống đong 1000ml, Model: V101-05	ch	3	
126	Bình tam giác 50ml, Model: V106 - TQ	ch	3	
127	Bình tam giác 100ml, Model: V106 - 01- TQ	ch	3	
128	Bình tam giác 250ml, Model: V106 - 02 - TQ	ch	3	
129	Bình tam giác 500ml, Model: V106-03 - TQ	ch	3	
130	Bình tam giác 1000ml, Model: V106 - 04 - TQ	ch	3	
131	Bình định mức 100ml - TQ	ch	3	
132	Bình định mức 250ml - TQ	ch	3	
133	Bình định mức 500ml - TQ	ch	3	
134	Bình định mức 1000ml - TQ	ch	3	
135	Ống đong 100ml có mỏ - TQ	ch	3	
136	Ống đong 250ml có mỏ - TQ	ch	3	
137	Ống đong 500ml có mỏ - TQ	ch	3	
138	Ống đong 1000ml có mỏ - TQ	ch	3	
139	Khay trộn mẫu 550x550x50 - T.TECH	ch	2	
140	Bình hút âm - TQ Model: A036	ch	2	
141	Bộ cối chày bằng sứ - TQ Model: A112-01	bộ	1	
142	Bơm chân không – TQ Model: V203	ch	2	
143	Bình hút chân không 8 lít - TQ Model: V039	ch	3	
144	Ống cao su; Model: V203-02	m	2	
145	Đồng hồ chỉ thị áp - TQ	ch	1	
146	Thước kẹp tiêu chuẩn - TQ Model: V175	ch	1	
147	Hộp ẩm bằng nhôm - TQ Model: V122-01	ch	50	
148	Ca xút mẫu- TQ Model: V185	ch	5	
149	Kích đèn mẫu vạn năng 4" và 6" - T.TECH	bộ	1	
150	Bếp cách cát 1000W/220V - TQ	ch	1	
151	Phễu nhựa - T.TECH; Model: V135	ch	2	
152	Bộ cối chày bằng đồng- T.TECH ; Model: V112-05	bộ	1	
153	Hóa chất NaOH - TQ	kg	10	
154	Hóa chất H2SO4 - TQ	lít	5	
155	Hóa chất Tricloethylene - TQ	lít	10	
156	Máy đo PH cầm tay - G7	ch	1	
157	Đũa thủy tinh - TQ ; model: V147	ch	10	
158	Pipet 5ml - TQ; Model: V142-01	ch	2	
159	Pipet 10ml - TQ; Model: V142-02	ch	2	
160	Pipet 50ml - TQ; Model: V142-04	ch	2	
161	Đồng hồ bấm giây - TQ/Liên Xô ; Model: V170	ch	1	
162	Bàn cân thủy tinh chuẩn	ch	1	
163	Rọ cân trong nước – T.TECH ; Model: V041	ch	1	

164	Máy chưng nước cất 5 lít/h - TQ	ch	1	
165	Cân điện tử 10000gx0.01g - TQ	ch	1	
166	Cân điện tử 30kgx0.01g – TPS Nhật	ch	1	
167	Cân điện tử 2000g - OHAUS (Mỹ)	ch	1	
168	Máy mài mòn Gạch, bê tông, VN; Model: TA-30	ch	1	
169	Tủ sấy 300C, Model: 101-1, dung tích 70 lít, có thể đặt nhiệt độ tùy ý - TQ	ch	2	

2.3 Danh sách nhân sự thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Công việc được giao hiện nay	Kinh nghiệm	Trình độ chuyên môn đào tạo
1	Phạm Nguyễn Nhật Trường	24/01/1992	Trưởng phòng thí nghiệm Phụ trách quản lý chất lượng Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	12 năm	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng Thạc sĩ Quản lý xây dựng Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT Kiểm định chất lượng công trình xây dựng lĩnh vực: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giao thông; Thủy lợi – Thủy điện Thử nghiệm thép xây dựng Kiểm định chất lượng công trình giao thông Thí nghiệm phá hủy chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông Thử nghiệm bê tông xi măng. Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu chế tạo bê tông nhựa Thử nghiệm tính chất cơ lý của đất trong phòng và đất ngoài hiện trường Thử nghiệm tính chất cơ lý của gạch và VLXD trong phòng và ngoài hiện trường Phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc Phương pháp đo điện trở cách điện, điện trở tiếp đất và phương pháp thử nghiệm độ bền cách điện
2	Phạm Võ Tòng	13/06/1960	Chuyên gia Phụ trách quản lý chuyên môn	30 năm	Kỹ sư thủy lợi Kiểm định chất lượng công trình giao thông Đào tạo thí nghiệm viên ngắn hạn chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT Đào tạo thí nghiệm phá hủy chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông
3	Đinh Thị Hoàng Hà	09/07/1990	Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng	7 năm	Cử Nhân Kế toán Phương pháp xác định tính chất cơ – lý của Bê tông và vật liệu xây dựng Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu

					chuẩn TCVN ISO/IEC17025:2017
4	Đinh Hoàng Giang	28/08/1988	Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	5 năm	Cử nhân công nghệ thực phẩm Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC17025:2017 Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất và vật liệu xây dựng trong phòng và ngoài hiện trường Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông, nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và ngoài hiện trường Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông
5	Đinh Tiến Đạt	08/4/1994	Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	4 năm	Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường
6	Nguyễn Văn Toàn	08/9/1992	Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	5 năm	Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông - nhựa trong phòng và ngoài hiện trường

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**

GIÁM ĐỐC



Phạm Võ Long

PHỤ LỤC 1

DANH SÁCH CÁC TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

(Kèm theo Thông báo số 01-2025/ĐN-QĐ, ngày 02/12/2025 và Thông báo số 01-2026/ĐN-QĐ, ngày 03/04/2026 của Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam)

STT	Dự án	Quyết định thành lập	Địa chỉ	Ghi chú
1.	Trạm thí nghiệm hiện trường khu vực Dạ Huoi	Số: 01-2025/ĐN-QĐ ngày 02/12/2025	Đặt tại trạm trộn bê tông Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng - Xã Dạ Huoi - Tỉnh Lâm Đồng	Quyết định đính kèm
2.	Trạm thí nghiệm hiện trường Dự án : Nhà máy thủy điện Tân Thượng	Số: 01-2026/ĐN-QĐ ngày 03/04/2026	Tại công trường dự án (Xã Đinh Trang Thượng – Tỉnh Lâm Đồng)	Quyết định đính kèm

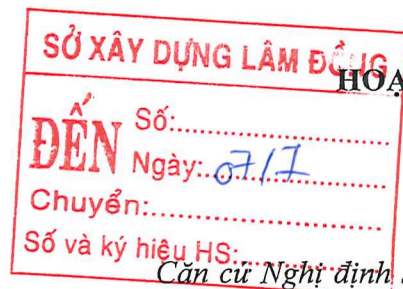
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC



Phạm Võ Long

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 07 năm 2026



**CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam;

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5800351172 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2024, Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Khu phố Đồng Tâm, Phường Lang Biang – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện: Phạm Võ Tòng

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02633 822 886 – 0918 185 805

Email: tvdongnam@gmail.com

Mã số thuế: 5800351172

Website: tuvandongnam.net

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa chất - Vật liệu xây dựng

Địa chỉ: 9D Lê Hồng Phong, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trưởng phòng: Phạm Nguyễn Nhật Trường

Điện thoại: 0386 146 519

Email: truongdl97241@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm địa chất - vật liệu xây dựng mã số LAS-XD 35.006 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1899/GCN-SXD ngày 06 tháng 8 năm 2024 và VALAS 026 do Viện công nhận chất lượng Việt Nam cấp tại chứng chỉ công nhận được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 ngày 18 tháng 11 năm 2022 và LAS-XD 421 do Bộ Xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 909/GCN-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2019 và QĐ (bổ sung) số: 259/GCN-BXD ngày 07 tháng 12 năm 2021)

1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: Trạm thí nghiệm hiện trường khu vực Đạ Huoai

Địa chỉ: Trạm trộn bê tông Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng – Xã Đạ Huoai – Tỉnh Lâm Đồng.

Quyết định thành lập trạm: Số 01/2025/ĐN-QĐ ngày 02 tháng 12 năm 2025

2. Thông tin về năng lực của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu trạm thí nghiệm; Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

TT	Tên Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, máy móc
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; BS EN 12350-2;	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại
2	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; TCVN 10303:2025; TCVN 12252:2020; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140; BS EN 12390-3, 12504-1; JIS A1108, A1107; AS 1012.9	- Máy nén 150-200 tấn (6 ± 4 daN/cm ² -s, - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải
THỦ CỐT LIỆU CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA			
3	Xác định thành phần hạt, modul	TCVN 7572-2:2006; ASTM C136; AASHTO T27; BS EN 933-1; JIS A1102; BS 812 Part 103.1	- Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Bộ sàng tiêu chuẩn, kích thước mắt sàng 2,5 mm; 5 mm; 10 mm; 20 mm; 40 mm; 70 mm; 100 mm và sàng lưới kích thước mắt sàng 140 μ m; 315 μ m; 630 μ m và 1,25 mm theo Bảng 1; - Máy lắc sàng; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ ổn định từ 105 ⁰ C-110 ⁰ C.
4	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4:2006; ASTM C127, C128; AASHTO T84, T85; BS EN 1097-6,7	- Cân kỹ thuật, độ chính xác 0,1%; - Tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ⁰ C đến 110 ⁰ C; - Bình dung tích, bằng thủy tinh, có miệng rộng, nhãn, phẳng dung tích từ 0,5 lít đến 1,5 lít và có tấm nắp đậy bằng thủy tinh, đảm bảo kín khí;
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và hạt cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006; ASTM C127; AASHTO T85; BS EN 1097-6,7; JIS A1110	- Cân kỹ thuật, có độ chính xác 1%; - Cân thủy tĩnh, có độ chính xác 1 %, và có giỏ đựng mẫu; - Thùng ngâm mẫu, bằng gỗ hay bằng vật liệu không gỉ; - Khăn thấm nước mềm và khô; - Thước kẹp; - Bàn chải sắt; - tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ sấy ổn định từ 105 ⁰ C đến 110 ⁰ C.
6	Xác định khối lượng thể tích xộp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006; ASTM C29;	- Thùng đựng bằng kim loại, hình trụ, dung tích 1 l; 2 l; 5 l; 10 l và 20

0.580
C
TRÁCH
TUVÁN
Đ
DUC

		BS EN 1097-3,4; JIS A1104	1, kích thước quy định trong Bảng ; - Cân kỹ thuật độ chính xác 1%; - Phễu chứa vật liệu ; - Bộ sàng tiêu chuẩn, theo TCVN 7572-2 : 2006; tủ sấy có bộ phận điều chỉnh nhiệt độ đạt nhiệt độ sấy ổn định từ 105 oC đến 110 ⁰ C - Thước lá kim loại; - Thanh gỗ thẳng, nhẵn, đủ cứng để gạt cốt liệu lớn.
THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT TRONG PHÒNG			
7	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014; TCVN 14135-5:2024; TCVN 14134-3:2024; ASTM D1140, D422, D2487, C136; AASHTO T88, T27, T11; JIS A1204	- Cân kỹ thuật (0,01g), - Bộ rây (10, 5, 2, 1,05; 025, 0,1mm), - Cối và chày sứ có đầu bọc cao su, - Tủ sấy (t ⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Quả lê bằng cao su, - Dao con, Cân (1g), - Máy sàng lắc, - Cân phân tích, - Tỷ trọng kế (vạch 0,001), - Bộ phận đun và làm lạnh, - Bình đong (1000cm ³ , ϕ 60±2mm), - Nhiệt kế (0,5 ⁰ C), - Que khuấy, - Đồng hồ bấm, - Máy rửa, - Ống hút (5cm ³ và 50cm ³), - Thước thẳng 20cm.
8	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012; TCVN 12790:2020; 22TCN 333:2006; ASTM D1557, D698; AASHTO T180, T99; BS 1377-Part 4; JIS A1210	- Cối đầm nén và cần dẫn búa bằng kim loại, - Cân kỹ thuật (0,01g); - Sàng (19 mm, 5mm), - Bình phun nước, - Tủ sấy (t ⁰), - Bình hút ẩm có clorua canxi, - Hộp nhôm (cốc thủy tinh có nắp), - Dao gọt đất, - Vò đập đất, - Khay (40x60cm), - Vải phủ, cối sứ, chày bọc cao su.
THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG			
9	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020; 22TCN 02:71; TCVN 8729:2012; TCVN 8730:2012; AASHTO T204;	- Dao đai tròn bằng thép hay đồng (dung tích 100-200cm ³), - Cân đĩa 5kg độ nhạy(1-2g), - Cân đĩa 0,5kg độ nhạy(0,1g), - Dao gạt đất lưỡi phẳng, - Hộp nhôm, - Vazolin hoặc mỡ để bôi trơn, - Chảo sấy hoặc cồn đốt 90 ⁰ trở lên, - Búa đóng loại 0,5kg, gỗ đệm
10	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng	22TCN 346:2006; TCVN 8729:2012;	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, để định vị).

	phương pháp rót cát	TCVN 8730:2012; ASTM D 1556; AASHTO T191	- Cát chuẩn - Cân cân được 15kg chính xác 1,0g. - Cân cân chính xác 0,01g, Cồn - Bộ sàng lỗ sàng 2,36;1,18;0,6;0,3mm - Các dụng cụ khác (dao, đục, thìa, xô có nắp, hộp đựng mẫu, chổi lông
11	Xác định khối lượng thể tích đất hiện trường bằng PP đổ nước hồ đào và PP cát thay thế	ASTM D5030; ASTM D4914	- Phễu rót cát, cát chuẩn,.....
12	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012	- Cân cân kỹ thuật. - Khay, Cồn, dụng cụ lấy mẫu - Chảo sấy hoặc cồn đốt 90°trở lên - Bộ dao vòng - Bộ sàng lỗ sàng 2; 5; 20 và 60mm
13	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012	- Cân cân kỹ thuật. - Khay, Cồn, dụng cụ lấy mẫu - Máy xác định độ ẩm của đất tại hiện trường
14	Đất xây dựng công trình thủy lợi – phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012	- Phễu rót cát: (bình chứa cát, phễu, để định vị). - Cát chuẩn - Chảo sấy hoặc cồn đốt 90°trở lên
15	Xác định môđun đàn hồi “E” nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011; 22TCN 335:2006; ASTM D1194, D1195; AASHTO T221;	Tấm ép cứng chuyên dùng, kích thủy lực có gắn đồng hồ đo lực, thiên phân kế. Tấm ép cứng, giá đỡ đồng hồ biến dạng Cần Benkenman hoặc cần đo độ vồng Xe chất tải
16	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng cần Ben kelman	TCVN 8867:2011; ASTM D4695; AASHTO T256	- Cần Benkenman - Xe đo (xe tải- trục đơn bánh kép khe hở giữa 2 bánh đôi 5cm-trọng lượng trục 10.000daN. - Kích thủy lực, đồng hồ đo biến dạng
17	Xác định cường độ bê tông trên mẫu lấy từ kết cấu	TCXDVN 239:2006; TCVN 12252:2020; TCVN 10303:2014; ASTM C42/C42M-2	Máy khoan rút lõi, mũi khoan, thước lá, máy phát điện, máy nén, uốn, cân...

2.2 Danh mục máy móc và thiết bị tại trạm thí nghiệm hiện trường:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL	THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH/ HIỆU CHUẨN
5	Máy nén bê tông TYA -2000A, TQ, Hãng Better United hiện thị điện tử	Bộ	1	2026
10	Khuôn lập phương 150 x 150x 150 TQ/VN	ch	12	
16	Côn thử độ sụt bê tông - T.TECH	bộ	1	
36	Mũi khoan kim cương đk101.6mm - Hàn Quốc (loại mũi liền)	ch	10	
37	Máy khoan bê tông, nhựa đường	ch	3	
40	Protor chuẩn: cối S185 + chày S187- T.TECH	bộ	1	
48	Bộ sàng đá và cấp phối đk 300 bao gồm: 37.5; 25; 19; 12.5; 10; 5; 4.75; 2.63; 0.315; 0.075; đáy và nắp. - TQ	ch	11	
52	Máy lắc sàng - TQ Model: 8411	ch	1	
72	Phễu xác định độ xốp của cát, T.TECH; Model:C185-01	ch	1	
73	Hộc đong 1 lít T.TECH	ch	1	
74	Hộc đong 2 lít T.TECH	ch	1	
75	Hộc đong 5 lít T.TECH	ch	1	
81	Cát chuẩn - VN; Model: S235	kg	10	
82	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH; Model: S084 kèm 3 lưỡi dao	bộ	3	
83	Dao vòng 100cm ³ (200cm ³) - T.TECH	ch	20	
84	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - bao gồm: tấm ép đk 340mm, kích thủy lực 20 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực	bộ	3	
85	Bộ cân Benkenmam - T.TECH; kiểu dáng ELE (ANH); tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX, rút 3 đoạn	bộ	3	
165	Cân điện tử 15kgx0.5g - OHAUS (Mỹ)	ch	1	2026
170	Tủ sấy 300C, Model: 101-1, dung tích 70 lít, có thể đặt nhiệt độ tùy ý - TQ	ch	1	2026

2.3 Danh sách nhân sự thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm tại trạm thí nghiệm hiện trường:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Công việc được giao hiện nay	Kinh nghiệm	Trình độ chuyên môn đào tạo
1	Phạm Nguyễn Nhật Trường	24/01/1992	Trưởng phòng thí nghiệm Phụ trách quản lý chất lượng Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	12 năm	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng Thạc sĩ Quản lý xây dựng Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT Kiểm định chất lượng công trình xây dựng lĩnh vực: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giao thông; Thủy lợi – Thủy điện Thử nghiệm thép xây dựng Kiểm định chất lượng công trình giao thông Thí nghiệm phá hủy chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông Thử nghiệm bê tông xi măng. Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu chế tạo bê tông nhựa Thử nghiệm tính chất cơ lý của đất trong phòng và đất ngoài hiện trường Thử nghiệm tính chất cơ lý của gạch và VLXD trong phòng và ngoài hiện trường Phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc Phương pháp đo điện trở cách điện, điện trở tiếp đất và phương pháp thử nghiệm độ bền cách điện
4	Đinh Hoàng Giang	28/08/1988	Trưởng trạm thí nghiệm Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	5 năm	Cử nhân công nghệ thực phẩm Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn TCVN ISO/IEC17025:2017 Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất và vật liệu xây dựng trong phòng và ngoài hiện trường Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông, nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và ngoài hiện trường Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông

T. N. H. H. *
UNG

5	Đinh Tiến Đạt	08/4/1994	Thí nghiệm viên Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	4 năm	Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường
---	---------------	-----------	--	-------	--

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG
ĐÔNG NAM**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00000-----

Số: 01/2025/ĐN-QĐ

Đà Lạt, ngày 02 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

(V/v: Thành lập trạm thí nghiệm hiện trường)

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thực hiện quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng (Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1899/GCN-SXD) ngày 06 tháng 8 năm 2024 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp;
- Xét về năng lực của Công ty;

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Trạm thí nghiệm hiện trường thí nghiệm vật liệu xây dựng và Kiểm tra Chất Lượng Công Trình Xây Dựng khu vực Đa Huoai

Tên: *TRAM THỊ NGHIỆM HIỀN TRƯỜNG KHU VỰC ĐA HUOAI*

Địa điểm : *Trạm trộn bê tông Công Ty Cổ Phần Khoáng Sản Và Vật Liệu Xây Dựng Lâm Đồng – Xã Đa Huoai – Tỉnh Lâm Đồng*

Trưởng tram : **ÔNG ĐÌNH HOÀNG GIANG**

Điều 2: Trạm thí nghiệm hiện trường có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý và các đặc tính kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng sử dụng cho công trình Xây Dựng như vật liệu Cát, Đá, Xi Măng, Bê Tông.....



- Thí nghiệm độ chặt nền đất, nền cấp phối đá dăm,
- Lấy mẫu kiểm tra cường độ chịu nén của bê tông xi măng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

Điều 3: Tổ chức bộ máy của Trạm thí nghiệm hiện trường gồm:

- Một Trưởng trạm.
- Số cán bộ công nhân viên của Trạm căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để bố trí cho phù hợp.
- Danh sách các thí nghiệm viên được bố trí về trạm thí nghiệm hiện trường.

Điều 4: Các Ông (bà) Trưởng trạm thí nghiệm và các thí nghiệm viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 4
- Lưu VT

CÔNG TY TNHH TV ĐT&XD ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC



Phạm Võ Long



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
ĐT&XD ĐÔNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 02 tháng 12 năm 2025

**DANH MỤC MÁY MÓC – THIẾT BỊ TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN
TRƯỜNG KHU VỰC ĐẠ HUOAI**

Kính gửi : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC ĐẠ HUOAI

Công ty chúng tôi xin gửi danh mục máy móc – thiết bị phục vụ công tác thí nghiệm của trạm thí nghiệm hiện trường khu vực Đạ Huoai như sau:

ST T	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐV T	S L	THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH/ HIỆU CHUẨN
1	Máy nén bê tông TYA -2000A, TQ, Hãng Better United hiện thị điện tử	Bộ	1	2026
2	Khuôn lập phương 150 x 150x 150 TQ/VN	ch	12	
3	Côn thử độ sụt bê tông - T.TECH	bộ	1	
4	Mũi khoan kim cương đk101.6mm - Hàn Quốc (loại mũi liền)	ch	10	
5	Máy khoan bê tông, nhựa đường	ch	3	
6	Protor chuẩn: cối S185 + chày S187- T.TECH	bộ	1	
7	Bộ sàng đá và cấp phối đk 300 bao gồm: 37.5; 25; 19; 12.5; 10; 5; 4.75; 2.63; 0.315; 0.075; đáy và nắp. - TQ	ch	11	
8	Máy lắc sàng - TQ Model: 8411	ch	1	
9	Phễu xác định độ xốp của cát, T.TECH; Model:C185-01	ch	1	
10	Hộc đong 1 lít T.TECH	ch	1	
11	Hộc đong 2 lít T.TECH	ch	1	
12	Hộc đong 5 lít T.TECH	ch	1	
13	Cát chuẩn - VN; Model: S235	kg	10	
14	Bộ dao vòng lấy mẫu đất - T.TECH; Model: S084 kèm 3 lưỡi dao	bộ	3	
15	Dao vòng 100cm ³ (200cm ³) - T.TECH	ch	20	
16	Bộ đo E bằng tấm ép tĩnh - bao gồm: tấm ép đk 340mm, kích thủy lực 20 tấn gắn đồng hồ chỉ thị lực	bộ	3	
17	Bộ cân Benkenmam - T.TECH; kiểu dáng ELE (ANH); tỷ lệ 2:1; làm bằng INOX, rút 3 đoạn	bộ	3	
18	Cân điện tử 15kgx0.5g - OHAUS (Mỹ)	ch	1	2026
19	Tủ sấy 300C, Model: 101-1, dung tích 70 lít, có thể đặt nhiệt độ tùy ý-TQ	ch	1	2026

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu VP



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
ĐT&XD ĐÔNG NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 02 tháng 12 năm 2025

**DANH SÁCH NHÂN SỰ TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỞNG KHU
VỰC ĐẠ HUOAI**

Kính gửi : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KHU VỰC ĐẠ HUOAI

Công ty chúng tôi xin đăng ký danh sách nhân sự phục vụ công tác thí nghiệm của
trạm thí nghiệm hiện trường khu vực Đạ Huoai như sau:

Tổng số cán bộ công nhân viên đăng ký : 3 người

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Nguyễn Nhật Trường	Trưởng phòng thí nghiệm	Phụ trách chung
2	Đinh Hoàng Giang	Trưởng trạm thí nghiệm	Phụ trách hiện trường
3	Đinh Tiến Đạt	Thí nghiệm viên	Phụ trách hiện trường

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu VP



GIÁM ĐỐC

PHẠM VÕ TÔNG

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 07 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

ĐẾN Số:.....
Ngày: 07/7.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS:.....

**CÔNG BỐ NĂNG LỰC
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/1/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hoá thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ vào năng lực thiết bị và nhân lực của Công ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam;

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

1.1. Tên tổ chức: Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 5800351172 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 05 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 21 tháng 06 năm 2024, Nơi cấp: Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ: Khu phố Đồng Tâm, Phường Lang Biang – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện: Phạm Võ Tòng

Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02633 822 886 – 0918 185 805

Email: tydongnam@gmail.com

Mã số thuế: 5800351172

Website: tuvandongnam.net

1.2. Thông tin phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm Địa chất - Vật liệu xây dựng

Địa chỉ: 9D Lê Hồng Phong, Phường Xuân Hương – Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Trưởng phòng: Phạm Nguyễn Nhật Trường

Điện thoại: 0386 146 519

Email: truongdl97241@gmail.com

(Kế thừa năng lực kinh nghiệm, thiết bị, nhân sự của Phòng thí nghiệm địa chất - vật liệu xây dựng mã số LAS-XD 35.006 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1899/GCN-SXD ngày 06 tháng 8 năm 2024 và VALAS 026 do Viện công nhận chất lượng Việt Nam cấp tại chứng chỉ công nhận được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 ngày 18 tháng 11 năm 2022 và LAS-XD 421 do Bộ Xây dựng cấp tại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 909/GCN-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2019 và QĐ (bổ sung) số: 259/GCN-BXD ngày 07 tháng 12 năm 2021)

1.3. Thông tin trạm thí nghiệm hiện trường: Trạm thí nghiệm hiện trường Dự án: Thủy điện Tân Thượng

Địa chỉ: Công trường dự án Xã Đình Trang Thượng – Tỉnh Lâm Đồng.

Quyết định thành lập trạm: Số 01/2026/ĐN-QĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026

2. Thông tin về năng lực của Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

2.1. Danh mục các chỉ tiêu trạm thí nghiệm; Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng:

TT	Tên Chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Thiết bị, máy móc
HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG			
1	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022; ASTM C143; AASHTO T119; BS EN 12350-2;	- Côn thử độ sụt, - Que chọc, - Phễu đổ hỗn hợp, - Thước lá kim loại
2	Xác định cường độ nén của bê tông	TCVN 3118:2022; TCVN 10303:2025; TCVN 12252:2020; ASTM C39, C42; AASHTO T22, T140; BS EN 12390-3, 12504-1; JIS A1108, A1107; AS 1012.9	- Máy nén 150-200 tấn (6±4 daN/cm ² -s, - Thước lá kim loại, - Đệm truyền tải



2.2 Danh mục máy móc và thiết bị tại trạm thí nghiệm hiện trường:

STT	TÊN THIẾT BỊ - THÔNG SỐ KỸ THUẬT	ĐVT	SL	THỜI HẠN KIỂM ĐỊNH/ HIỆU CHUẨN
1	Máy nén bê tông TYE-2000, TQ, hiển thị cơ	Bộ	1	2026
2	Khuôn lập phương 150 x 150x 150 TQ/VN	ch	21	
3	Côn thử độ sụt bê tông - T.TECH	bộ	1	
4	Cân điện tử 5kgx0.01g - TQ	ch	1	2026

2.3 Danh sách nhân sự thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm tại trạm thí nghiệm hiện trường:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Công việc được giao hiện nay	Kinh nghiệm	Trình độ chuyên môn đào tạo
1	Phạm Nguyễn Nhật Trường	24/01/1992	Trưởng phòng thí nghiệm Phụ trách quản lý chất lượng Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	12 năm	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng Thạc sĩ Quản lý xây dựng Quản lý phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017 Quản lý phòng thí nghiệm chuyên ngành XDGT Kiểm định chất lượng công trình xây dựng lĩnh vực: Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Giao thông; Thủy lợi – Thủy điện Thử nghiệm thép xây dựng Kiểm định chất lượng công trình giao thông Thí nghiệm phá hủy chuyên ngành: Xây dựng công trình giao thông Thử nghiệm bê tông xi măng. Thử nghiệm tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu chế tạo bê tông nhựa Thử nghiệm tính chất cơ lý của đất trong phòng và đất ngoài hiện trường Thử nghiệm tính chất cơ lý của gạch và VLXD trong phòng và ngoài hiện trường Phân tích hóa học cốt liệu và nước dùng cho vữa và bê tông Thí nghiệm vật liệu công trình giao thông Thí nghiệm hiện trường kiểm tra độ toàn vẹn và sức chịu tải của cọc Phương pháp đo điện trở cách điện, điện trở tiếp đất và phương pháp thử nghiệm độ bền cách điện
2	Đinh Tiến Đạt	08/4/1994	Trưởng trạm thí nghiệm Xử lý các số liệu; các thí nghiệm trong phòng và hiện trường	4 năm	Phương pháp xác định tính chất cơ lý của bê tông nhựa và vật liệu xây dựng trong phòng và hiện trường Phương pháp xác định tính chất cơ lý của đất trong phòng và hiện trường

Công Ty TNHH Tư Vấn Đầu Tư Và Xây Dựng Đông Nam chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin tự công bố; tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ kèm theo; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

ĐÔNG NAM



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----00000-----

Số: 01/2026/ĐN-QĐ

Đà Lạt, ngày 03 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH CỦA GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

(V/v: Thành lập trạm thí nghiệm hiện trường)



- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Thực hiện quy định quản lý chất lượng công trình xây dựng (Ban hành kèm theo Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số 1899/GCN-SXD) ngày 06 tháng 8 năm 2024 do Sở Xây dựng tỉnh Lâm Đồng cấp;
- Xét về năng lực của Công ty;

GIÁM ĐỐC CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Nay thành lập Trạm thí nghiệm hiện trường thí nghiệm vật liệu xây dựng và Kiểm tra Chất Lượng Công Trình Xây Dựng cho dự án: Nhà máy thủy điện Tân Thượng
Tên: *TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG*

Địa điểm : Công trường dự án Xã Đình Trang Thương – Tỉnh Lâm Đồng

Trưởng trạm : **ÔNG ĐINH TIẾN ĐẠT**

Điều 2: Tram thí nghiệm hiện trường có chức năng, nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý và các đặc tính kỹ thuật của các loại vật liệu xây dựng sử dụng cho công trình Xây Dựng như vật liệu Cát, Đá, Xi Măng, Bê Tông.....
- Thí nghiệm độ chặt nền đất, nền cấp phối đá dăm,

- Lấy mẫu kiểm tra cường độ chịu nén của bê tông xi măng.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Công ty giao.

Điều 3: Tổ chức bộ máy của Trạm thí nghiệm hiện trường gồm:

- Một Trưởng trạm.
- Số cán bộ công nhân viên của Trạm căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ để bố trí cho phù hợp.
- Danh sách các thí nghiệm viên được bố trí về trạm thí nghiệm hiện trường.

Điều 4: Các Ông (bà) Trưởng trạm thí nghiệm và các thí nghiệm viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.



Nơi nhận:

- Như điều 4
- Lưu VT

CÔNG TY TNHH TVĐT&XD ĐÔNG NAM

GIÁM ĐỐC



Phạm Võ Lòng

Đà Lạt, ngày 03 tháng 04 năm 2026

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN

TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG

ĐỒNG NAM

PHẠM VÕ TÙNG

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
ĐT&XD ĐÔNG NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Lạt, ngày 03 tháng 04 năm 2026

**DANH SÁCH NHÂN SỰ TRẠM THÍ NGHIỆM HIỆN TRƯỜNG DỰ ÁN
NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TÂN THƯỢNG**

Kính gửi : BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN TÂN THƯỢNG

Công ty chúng tôi xin đăng ký danh sách nhân sự phục vụ công tác thí nghiệm của trạm thí nghiệm hiện trường của Dự án : Nhà máy thủy điện Tân Thượng như sau:
Tổng số cán bộ công nhân viên đăng ký : 2 người

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Nguyễn Nhật Trường	Trưởng phòng thí nghiệm	Phụ trách chung
2	Đinh Tiến Đạt	Trưởng trạm thí nghiệm	Phụ trách hiện trường

Nơi gửi :

- Như trên
- Lưu VP



GIÁM ĐỐC

PHẠM VÕ TÔNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N°: 27/HCL/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

- Tên phương tiện đo/ *Object* : **MÁY THỬ ĐỘ BỀN NÉN/**
COMPRESS TESTING MACHINES
- Kiểu/ *Type* : TYE - 2000
- Số hiệu/ *Serial No* : 018
- Số nhận dạng/ *Identified No* : Không rõ/ *Unidentified*
- Nơi sản xuất/ *Manufacture* : Trung Quốc/ *China*
- Năm sản xuất/ *Year* : 2006
- Đặc trưng kỹ thuật/ *Specification* :
- Phạm vi đo/ *Measuring range* : (0 ÷ 2000) kN
- Cơ sở sử dụng/ *Customer* : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**
Phòng Thí Nghiệm Địa Chất – Vật Liệu Xây Dựng VALAS 026
Khu phố Đồng Tâm, phường Langbiang - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Nơi hiệu chuẩn/ *Place of Calibration* :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
- Phương pháp hiệu chuẩn/ *Method of calibration* : ĐLVN 109 : 2002
- Điều kiện môi trường/ *Environmental Conditions* : (27 ± 2) °C
- Chuẩn sử dụng/ *Standards used* :

Mã số/ ID

Thiết bị/ Equipment

Liên kết chuẩn/ Traceability

TB.33

Load Cell

VMI

- Hiệu chỉnh phương tiện đo/ *Adjustment* : Có/ *Yes* : ☐ Không/ *No* : ☒
- Ngày hiệu chuẩn/ *Date of calibration* : 06/04/2026
- Tem hiệu chuẩn/ *Calibration label* : 03266
- Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ *Recalibration recommended* : **06/04/2027**

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 04 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)

Phạm Hải Đăng



Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ *The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.*

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ *This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.*



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhbinhthuan.vn

Số/ N°: 52/HCĐD/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

1. Tên phương tiện đo/ Object : **ĐỒNG HỒ SO/ DIAL INDICATOR**
 2. Kiểu/ Type : Điện tử
 3. Số hiệu/ Serial No : 152720
 4. Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
 5. Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
 6. Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
 7. Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 12,7) mm
 - Giá trị vạch chia/ Division : 0,01 mm
 8. Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**
Phòng Thí Nghiệm Địa Chất – Vật Liệu Xây Dựng VALAS 026
Số 9D Lê Hồng Phong, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
 9. Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
 10. Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 75:2001
 11. Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (20 ± 2) °C; (50 ± 15) %RH
 12. Chuẩn sử dụng/ Standards used :
- | Mã số/ ID | Thiết bị/ Equipment | Liên kết chuẩn/ Traceability |
|-----------|----------------------------------|------------------------------|
| TB.30 | Máy kiểm đồng hồ so/ Gage tester | VMI |
13. Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: ☐ Không/ No: ☒
 14. Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 22/06/2026
 15. Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01988
 16. Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 22/06/2027

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 06 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



Nguyễn Quang Huy Hùng

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 673/HCN/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

- Tên phương tiện đo/ Object : TỦ SẤY/ DRY OVEN
- Kiểu/ Type : 101-2
- Số hiệu/ Serial No : 31768
- Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
- Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
- Năm sản xuất/ Year : 2005
- Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi nhiệt độ/ Temperature Range : (0 ÷ 300) °C
 - Độ phân giải/ Resolution : 1,0 °C
- Cơ sở sử dụng/ Customer : CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
Phòng Thí Nghiệm Địa Chất – Vật Liệu Xây Dựng VALAS 026
Số 9D Lê Hồng Phong, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
- Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.03
- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 5) °C ; (60 ± 10) %RH
- Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.23	Bộ ghi dữ liệu nhiệt độ/ K, T, J, S	SMEQ
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: ☐ Không/ No: ☒
- Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 22/06/2026
- Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03271
- Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 22/06/2027

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 06 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Department)

KT. GIÁM ĐỐC
(pp. Director)

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Deputy Director)


Huỳnh Quốc Vương


Trương Văn Thuyền

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.

- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhhinhthuan.vn

Số/ N^o: 37/HCTB/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

- Tên phương tiện đo/ Object : **CÀN BENKELMAN/ BENKELMAN BEAM**
- Kiểu/ Type : Không rõ/ Unidentified
- Số hiệu/ Serial No : Không rõ/ Unidentified
- Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
- Nơi sản xuất/ Manufacture : Việt Nam/ Viet Nam
- Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
- Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
- Tỷ lệ/ Ratio : 2/1
- Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**
Phòng Thí Nghiệm Địa Chất – Vật Liệu Xây Dựng VALAS 026
Số 9D Lê Hồng Phong, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
- Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : QTHC.12
- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : $(27 \pm 2) ^\circ\text{C}$; $(50 \pm 15) \%RH$
- Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID	Thiết bị/ Equipment	Liên kết chuẩn/ Traceability
TB.30	Đồng hồ so 50 mm/ Dial Indicator 50 mm	ĐLBT
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: ☐ Không/ No: ☒
- Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 22/06/2026
- Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 01997
- Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : 22/06/2027

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 06 năm 2026
(Data of issue)

TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Head of Metrology Laboratory)

Phạm Hải Đăng



Nguyễn Quang Huy Hùng

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.



**CÔNG TY CỔ PHẦN KIỂM ĐỊNH ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
BÌNH THUẬN (ĐK 435)**
BINH THUAN QUALITY EASUREMENT CHECKING JOINT STOCK COMPANY
ISO/IEC 17025:2017

Địa chỉ: Quốc lộ 28, Thôn Thuận Điền, Xã Hàm Liêm, Tỉnh Lâm Đồng
Tel: 0915037788 - 0908604406 Email: doluongbinhthuan@gmail.com Website: kiemdinhbinhthuan.vn

Số/ N^o: 47/HCL/26

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN
CALIBRATION CERTIFICATE

Trang/ Page: 01/02

- Tên phương tiện đo/ Object : **KÍCH THỦY LỰC VÀ ĐỒNG HỒ ĐO ÁP SUẤT**
(HYDRAULIC CYLINDERS AND PRESSURE GAUGE)
- Kiểu/ Type : Kích tay
- Số hiệu/ Serial No : 28611
- Số nhận dạng/ Identified No : Không rõ/ Unidentified
- Nơi sản xuất/ Manufacture : Trung Quốc/ China
- Năm sản xuất/ Year : Không rõ/ Unidentified
- Đặc trưng kỹ thuật/ Specification :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 200) kN
 - Đồng hồ đo áp suất/ Pressure gauge :
 - Phạm vi đo/ Measuring range : (0 ÷ 600) kg/cm²
 - Giá trị vạch chia/ Division : 10 kg/cm²
- Cơ sở sử dụng/ Customer : **CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM**
Phòng Thí Nghiệm Địa Chất – Vật Liệu Xây Dựng VALAS 026
Số 9D Lê Hồng Phong, phường Xuân Hương - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
- Nơi hiệu chuẩn/ Place of Calibration :
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG ĐÔNG NAM
- Phương pháp hiệu chuẩn/ Method of calibration : ĐLVN 108 : 2002
- Điều kiện môi trường/ Environmental Conditions : (27 ± 2) °C
- Chuẩn sử dụng/ Standards used :

Mã số/ ID

Thiết bị/ Equipment

Liên kết chuẩn/ Traceability

TB.32

Load Cell

VMI

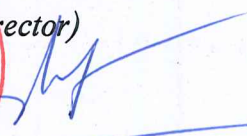
- Hiệu chỉnh phương tiện đo/ Adjustment : Có/ Yes: ☐ Không/ No: ☒
- Ngày hiệu chuẩn/ Date of calibration : 22/06/2026
- Tem hiệu chuẩn/ Calibration label : 03353
- Ngày hiệu chuẩn đề nghị/ Recalibration recommended : **22/06/2027**

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 06 năm 2026
(Data of issue)

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG ĐO LƯỜNG
(Deputy Head of Metrology Laboratory)

GIÁM ĐỐC
(Director)


Huỳnh Quốc Vương


Nguyễn Quang Huy Hùng

- Các kết quả hiệu chuẩn ghi trong giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với phương tiện đo đã được hiệu chuẩn ở trên đây/ The Calibration results in this certificate are applicable to the above calibration instrument only.
- Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận hiệu chuẩn có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP KĐ-ĐL-CL Bình Thuận/ This calibration certificate shall not be reprinted except in full, without written approval of Binh Thuan Quality Easurement Checking Joint Stock Company.